

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/DS-PT

Ngày: 05-3-2025

V/v chia di sản thừa kế

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Thẩm phán: Bà Tô Thị Thuỳ Ngân

Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

- Thư ký phiên toà: Ông Vi Hoàng Tùng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Luyện Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc Chia di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2025; Thông báo hoãn phiên toà số 39/TB-TA ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ 7, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Hoàng Lệ T1, sinh năm 1976; Địa chỉ: Phố HL, thị trấn TN, huyện H, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

2. Bị đơn: Hoàng Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Phố HL, thị trấn TN, huyện H, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Trần Ngọc L, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2025) (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị Tr, sinh năm 1966; Địa chỉ: Xóm ĐH, thị trấn TN, huyện H, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt);

- Bà Hoàng Lệ T1, sinh năm 1976; Địa chỉ: Phố HL, thị trấn TN, huyện H, tỉnh Cao Bằng (Có mặt);

- Chị Nông Thị Thúy K, sinh năm 1990; Địa chỉ tạm trú: Số nhà 009, tổ 03, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng ; Nơi thường trú: Xóm GC, xã LC, huyện H, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

- Chị Nông Thị Bích N, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số nhà 002, tổ 02, phường NX, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Chị Lục Thị Lan H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn A, xã TH, huyện BĐ, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ 7, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (*Văn bản ủy quyền ngày 06/7/2021*) (Có mặt)

- Chị Lục Thị Huyền Tr, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ 7, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (*Văn bản ủy quyền ngày 30/9/2020*) (Có mặt)

- Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1963; Địa chỉ: Phố C, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (Có mặt);

- Anh Hoàng Việt V1, sinh năm 1998; Địa chỉ: Phố HL, thị trấn TN, huyện H, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt);

Đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng Việt V1: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Phố HL, thị trấn TN, huyện H, tỉnh Cao Bằng (*Văn bản ủy quyền ngày 15/4/2022*); (*vắng mặt*)

Bà Hoàng Thị H ủy quyền cho bà Trần Ngọc L tham gia tố tụng (Có mặt)

- Anh Lục Văn D, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ 7, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (đã chết).

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của anh Lục Văn D:

+ Chị Lục Thị Lan H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn A, xã TH, huyện BD, tỉnh Đăk Lăk (Vắng mặt);

+ Chị Lục Thị Huyền Tr, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt);

- Bà Tô Thị H; sinh năm 1957; Địa chỉ: Xóm BN, xã Th, huyện H, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt);

- Bà Thẩm Thị H2; sinh năm 1957; Địa chỉ: Xóm Đ, thị trấn TN, huyện H, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt);

- Bà Nông Thị O; sinh năm 1956; Địa chỉ: Phố HL, thị trấn TN, huyện H, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt);

- Đại diện Cửa hàng xe máy TR: Ông Lôi Thanh G, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ 14, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt);

- Bà Khoảng Thị K2; sinh năm 1973; Địa chỉ: Xóm N3, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt);

- Bà Lục Thị Hoan; sinh năm 1965; Địa chỉ: Phố HL, thị trấn TN, huyện H, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt);

- Chị Phùng Thị Phương T3; sinh năm 1990; Địa chỉ: Phố HL, thị trấn TN, huyện H, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt);

- Ông Cao Văn C2, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ 7, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (Có mặt);

- Ông Đặng Văn Q, sinh năm 1971; Địa chỉ: Phố HL, thị trấn TN, huyện H, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Hoàng Thị T: Luật sư Nguyễn Thị Th2, luật sư Trần Thị T3 - Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Th2; Địa chỉ: Tổ 10, phường NX, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (Có mặt);

5. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hoàng Thị Tr, bà Hoàng Thị V và bà Hoàng Lệ T1: Ông Nông Văn D2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng (Có mặt);

6. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hoàng Thị H: Ông Nông Văn S2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng (Có mặt);

7. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Hoàng Việt V1: Bà Hoàng Thị L - Luật sư cộng tác viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng (Có mặt);

8. Người làm chứng:

- Ông Hoàng Doãn L, sinh năm 1948;

- Ông Khoảng Văn L, sinh năm 1953;

Cùng địa chỉ: Phố HL, thị trấn TN, huyện H, tỉnh Cao Bằng (Những người làm chứng đều vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Hoàng Thị T; Bị đơn bà Hoàng Thị H; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Hoàng Việt V1, chị Nông Thị Thuý K2, chị Nông Thị Bích N, bà Hoàng Lệ T1;

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng kháng nghị,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày: Bố mẹ đẻ của bà Hoàng Thị T là ông Hoàng Văn S2 và bà Triệu Thị M. Ông S2 và bà M sinh được 07 người con: Con như nhất là Hoàng Thị D, sinh năm 1960 (chết năm 2021), có 03 con là Lục Thị Huyền Tr, Lục Thị Lan H và Lục Văn D (đã chết); con thứ hai là Hoàng Thị V, sinh năm 1963; con thứ ba là Hoàng Thị Tr, sinh năm 1966; con thứ tư là Hoàng Thị T, sinh năm 1968; con thứ năm là Hoàng Thị T4, sinh năm 1970 (đã chết năm 2004); con thứ sáu là Hoàng Văn B, sinh năm 1973 (đã chết năm 2017), vợ là Hoàng Thị H; con thứ bảy là Hoàng Lệ T1, sinh năm 1976. Ông S2 và bà M không có vợ, chồng, con đẻ, con riêng nào khác. Bà M chết năm 2018 không để lại di chúc, Ông S2 chết năm 2010 có để lại di chúc. Hiện nay toàn bộ di sản của Ông S2 bà M để lại bà Hoàng Thị H đang quản lý và sử dụng. Di sản Ông S2 bà M để lại gồm:

- Thừa đất số 175 diện tích 211,5m² tờ bản đồ số 16-5 tại Phố HL, thị trấn TN, huyện H, tài sản trên đất có 01 ngôi nhà cấp IV và dãy cửa hàng ki ốt.

- Thừa đất số 190 có diện tích 222,7m² tờ bản đồ số 16-5 tại Phố HL, thị trấn TN, huyện H và tài sản trên đất có 01 ngôi nhà cấp IV.

- Thừa đất số 49, tờ bản đồ số 18-5, diện tích 658,0m² là đất trồng lúa tại NL, xóm ĐH, thị trấn TN, huyện H.

- Thừa đất số 50, tờ bản đồ số 19-5, diện tích 627,3m² là đất trồng lúa tại NB, xóm ĐH, thị trấn TN, huyện H.

- Thừa đất số 36, tờ bản đồ số 19-5, diện tích 389,3m² là đất trồng lúa tại PH, xóm ĐH, thị trấn TN, huyện H.

- Thừa đất số 137, tờ bản đồ số 21-5 diện tích 434,2m² là đất trồng lúa tại BP, xóm ĐĐ, thị trấn TN, huyện H.

- Thừa đất số 56, tờ bản đồ 17-5, diện tích 764,3m² tại LM, Xóm ĐH, thị trấn TN, đã được Nhà nước thu hồi diện tích 449,3m² để xây trụ sở làm việc Chi cục Thuế huyện H, diện tích còn lại là 315m².

- Thừa đất số 193, tờ bản đồ 19-5, diện tích 244,1m² là đất ở tại Phố HL, thị trấn TN, huyện H. Hiện cửa hàng xe máy Trường Giang đang thuê mặt bằng.

- Thừa đất số 115, tờ bản đồ số 22-5, diện tích 152,0m² là đất trồng cây hàng năm khác tại ĐC, xóm ĐĐ, thị trấn TN, huyện H.

- Thừa đất số 106, tờ bản đồ số 22-5, diện tích 2.553,4m² là đất trồng cây hàng năm khác tại ĐC, xóm ĐĐ, thị trấn TN, huyện H.

- Thừa đất số 75, tờ bản đồ số 21-5, diện tích 635,4m² là đất trồng cây hàng năm khác tại PP, xóm ĐĐ, thị trấn TN, huyện H.

- 01 cái ao cá đằng sau nhà của bà Hoàng Thị H đang ở.

Nay bà T yêu cầu Tòa án: Xác định về tính hợp pháp của tờ “di chúc Hoàng Văn S2 năm 2009”; Chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và chia bằng hiện vật; Yêu cầu bà Hoàng Thị H công khai toàn bộ giấy tờ liên quan đến đất đai của Ông S2 và bà M để lại. Về yêu cầu phản tố của bị đơn Hoàng Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Việt V1, bà T không nhất trí và không chấp nhận.

Giữ yêu cầu khởi kiện về chia di sản thừa kế. Đối với yêu cầu chia 01 cái ao theo đơn khởi kiện mà trước đây anh Hoàng Văn B đã bán nên không yêu cầu xem xét nữa, tuy nhiên đối với 02 cái ao là các thửa đất số 191, 192 cùng tờ bản đồ 16-5, mỗi ao có diện tích gần 40m² theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì vẫn yêu cầu chia thừa kế. Về bản di chúc của ông Hoàng Văn S2 là không hợp pháp nên yêu cầu chia toàn bộ di sản thừa kế của Ông S2, bà M theo pháp luật, chia thành 07 kỹ phần cho những người con còn sống thì trực tiếp nhận, còn những người nào chết thì các con được hưởng thừa kế thế vị và yêu cầu được chia bằng

hiện vật. Về lợi tức là số tiền cho thuê các ki ốt nếu bị đơn không yêu cầu về tính công sức bảo quản, giữ gìn di sản và thanh toán mai táng phí cho Ông S2 bà M thì nguyên đơn cũng không yêu cầu chia số tiền lợi tức mà có thể đối trừ các khoản này cho nhau.

Theo đơn phản tố và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn Hoàng Thị H thống nhất cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Ông S2 và bà M là bố mẹ chồng. Ông S2, bà M có 07 người con là chị D, chị V, chị Tr, chị T, chị T2, anh B và cô T1. Chị Huyền là vợ của anh B, là con dâu của Ông S2, bà M. Bà M chết năm 2018 không để lại di chúc, Ông S2 chết 2010 có để lại di chúc chia di sản cho vợ chồng Bình, Huyền và cháu Vương quản lý và sử dụng. Nay bà T có yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ chồng để lại bà Huyền không nhất trí, vì bố mẹ chồng đã chia tài sản cho các con gái lúc còn sống. Lúc bố mẹ chồng ốm đau chỉ một mình chăm sóc, anh B đã chết năm 2017, không có ai giúp đỡ chị Huyền. Toàn bộ giấy tờ về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng thuê ki-ốt và bản di chúc hiện nay chị Huyền đang giữ. Ông S2 giao di chúc cho chị Huyền trước khi chết 02 tháng, trước khi giao ông có nói với chị Huyền là hương khói cho ông. Sau khi bố mẹ chồng chết cả gia đình đã họp chia di sản thừa kế một lần nhưng không thống nhất được. Nay bà Hoàng Thị T yêu cầu chia di sản thừa kế chị Huyền không nhất trí. Ngày 09/01/2023, chị Huyền có đơn khởi kiện phản tố đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ thể:

Thứ nhất, chia tài sản chung của hộ gia đình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và Bộ luật dân sự về chia tài sản chung trong trường hợp vợ, chồng sống chung với gia đình nhà chồng. Di sản thừa kế hiện nay của Ông S2 và bà M là tài sản chung của hộ gia đình gồm 05 thành viên có Hoàng Thị H, anh Hoàng Văn B, con trai Hoàng Việt V1, Ông S2, bà M gồm: Đất ở tại thị trấn Thanh Nhật 02 thửa là thửa số 190 và thửa số 175 cùng tờ bản đồ 16-5; Đất trồng cây hàng năm khác có 03 thửa là thửa số 106 và thửa số 115 cùng tờ bản đồ 22-5, thửa số 75 tờ bản đồ số 21-5; Đất trồng lúa có 04 thửa là thửa số 49, tờ bản đồ số 18-5, thửa số 137, tờ bản đồ số 21-5, thửa số 36 và thửa số 50 cùng tờ bản đồ 19-5. Những tài sản trên đã được đăng ký quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình và được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình không phải Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng của vợ, chồng Ông S2 và bà M.

Thứ hai, chia di sản thừa kế của ông Hoàng Văn S2 và bà Triệu Thị M theo quy định của pháp luật thừa kế, trong đó xác định Ông S2 đã chết có để lại di chúc.

Thứ ba, yêu cầu được chia một phần công sức quản lý di sản trong khối di sản của Ông S2 và bà M cho bà Hoàng Thị H theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện và đồng ý thỏa thuận đối trừ giữa phần công sức quản lý di sản của bị đơn và yêu cầu chia lợi tức có được T việc cho thuê di sản của nguyên đơn. Nay có hai yêu cầu đó là: Thứ nhất, chia tài sản chung của hộ gia đình theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và Bộ luật dân sự về chia tài sản chung trong trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình nhà chồng; thứ hai, chia di sản thừa kế của Ông S2, bà M theo quy định của pháp luật về thừa kế, theo đó Ông S2 đã chết có để lại di chúc. Đề nghị Hội đồng xét xử chia phần di sản của Ông S2 để lại theo di chúc và theo pháp luật, cụ thể: Bà Hoàng Thị H và cháu Hoàng Việt V1 được hưởng toàn bộ phần di sản của ông Hoàng Văn S2 để lại theo di chúc. Phần di sản thừa kế của bà Triệu Thị M được hưởng phần di sản của Ông S2 bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật nếu di sản được chia theo pháp luật theo quy định tại Điều 644 Bộ luật dân sự 2015.

Tại biên bản bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Hoàng Thị V, Hoàng Thị Tr, Hoàng Lệ T1, Nông Thị Bích N, Nông Thị Thúy K đều yêu cầu được chia di sản thừa kế theo pháp luật, yêu cầu chia bằng hiện vật và đều cho rằng bản di chúc là không hợp pháp.

Theo đơn phản tố và trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hoàng Việt V1 trình bày: Ông S2 viết di chúc để lại toàn bộ tài sản cho cha mẹ và anh, nên anh không đồng ý chia tài sản. Ngày 09/01/2023, anh Vương có đơn khởi kiện phản tố đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Thứ nhất, yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình theo quy định của Luật đất đai, Bộ luật dân sự về chia tài sản chung của hộ gia đình theo phần để xác định phần quyền của các đồng sử dụng trong khối tài sản chung;

Thứ hai, chia di sản thừa kế của ông Hoàng Văn S2, bà Triệu Thị M theo quy định của pháp luật thừa kế, theo đó xác định Ông S2 đã chết có để lại di chúc;

Thứ ba, tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 03/3/1995 giữa Ông S2 với bà Hoàng Thị T và ông Cao Kiên Cường; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 11/12/2001 giữa Ông S2 cho bà Hoàng Lệ T1 và ông Đặng Văn Q; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 31/10/2006 cho bà Hoàng Thị Tr và ông Hoàng Quang Phổ vô hiệu một phần (phần bà Triệu Thị M không trực tiếp tham gia hợp đồng, không được bà M định đoạt trong hợp đồng vô hiệu) và đưa phần quyền sử dụng đất của bà M bị tuyên bố vô hiệu vào khối di sản chung để chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Do anh Hoàng Việt V1 và bà Hoàng Thị H là hai mẹ con, hiện sống chung hộ gia đình nên anh Vương với bà Huyền nhất trí cùng hưởng chung phần di sản thừa kế của Ông S2, bà M để lại và cùng liên đới thanh toán giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác theo quy định.

Trong các ngày 10 và 11/01/2024, Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Kết quả như sau:

- Thửa đất số 175, tờ bản đồ số 16-5, diện tích 211,5m², loại đất ở đô thị, địa chỉ tại: Phố HL, thị trấn TN, có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp thửa 167; phía Nam giáp chợ cũ Hạ Lang; phía Đông giáp thửa 176; phía Tây giáp đường giao thông đi xã Vinh Quý. Về vị trí, tứ cận và diện tích đúng theo bản đồ địa chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Hoàng Văn S2, bà Triệu Thị M. Thửa đất có giá trị là 617.495.400 đồng. Hiện trạng sử dụng đất tách thành 06 lô ki ốt cho thuê kinh doanh bán hàng, cụ thể:

+ Lô 01 giáp lô 02 được bà Lục Thị Hoan thuê để kinh doanh quán cà phê Củ Hành, có chiều rộng mặt tiền hướng nam khoảng 6,38m, chiều sâu hướng tây khoảng 7,8m.

+ Lô 02: Vị trí liền kề lô 01 và giáp lô 3, được bà Khoảng Thị K2 thuê (có chiều rộng mặt tiền khoảng 05m, chiều sâu khoảng 08m).

+ Lô 03: Vị trí tiếp giáp lô 02 và lô 04, được bà Phùng Thị Phương Thuý thuê (có chiều rộng mặt tiền khoảng 03m, chiều sâu khoảng 08m).

+ Lô 04: Vị trí tiếp giáp lô 03 và lô 05, được bà Nông Thị Ông thuê (có chiều rộng mặt tiền khoảng 03m, chiều sâu khoảng 08m).

+ Lô 05: Vị trí tiếp giáp lô 04 và lô 06, được bà Tô Thị H thuê (có chiều rộng mặt tiền khoảng 03m, chiều sâu khoảng 08m).

+ Lô 06: Vị trí tiếp giáp thửa đất và nhà ông Lục Quang Ty và giáp lô 05, được bà Tô Thị H thuê (có chiều rộng mặt tiền khoảng 03m, chiều sâu khoảng 08m).

Các lô 01, 02 là căn nhà cấp 4 cũ của ông Hoàng Văn S2, bà Triệu Thị M trước đây cùng các con ở, nay chia thành 02 gian ki ốt cho thuê, một bên là quán cà phê Củ Hành (lô số 01), một bên là quán hàng của chị Phùng Thị Phương Thuý thuê (lô số 2). Các lô 03, 04, 05 và 06 là các gian hàng ki ốt cho thuê có diện tích và kết cấu gần giống nhau, đều lợp mái tôn, tường xây gạch ngăn cách, có tấm tôn ngăn cách và cửa cuốn sắt. Giá trị tài sản trên thửa đất số 175 gồm: Lô số 1 (Quán Củ Hành) là 323.236.320 đồng và Lô số 2 (4 lô ki ốt) là 139.109.520 đồng.

- Thửa đất số 193, tờ bản đồ 16-5, diện tích 244,1m², loại đất ở đô thị, địa chỉ tại: Phố HL, thị trấn TN, tên gọi theo tiếng địa phương là Nà Pác Keo (Tầu Háng), có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp đường giao thông đi xã Thị Hoa; phía Nam giáp thửa đất 186 của hộ gia đình bà Hoàng Lệ T1; phía Đông giáp thửa 260 của hộ gia đình bà Hoàng Lệ T1; phía Tây giáp suối. Hiện bà Hoàng Thị H đang cho Cửa hàng xe máy Trường Giang thuê mặt bằng kinh doanh, tài sản trên đất có 01 nhà cấp 4, xây tường gạch bao quanh, mái tôn, cửa sắt do Cửa hàng xe máy Trường Giang xây dựng. Giá trị của thửa đất là 712.674.360 đồng.

+ Thửa 186 tờ bản đồ 16-5, diện tích là 137,4m², loại đất ở đô thị, địa chỉ Phố HL, thị trấn TN, huyện H, có tứ cận: Phía Bắc giáp đường giao thông đi xã Thị Hoa; Phía Nam giáp thửa 190, tờ bản đồ số 16-5 của ông Hoàng Văn S2, bà Triệu Thị M; Phía Tây giáp thửa 193 tờ bản đồ 16-5, cửa hàng xe máy Trường Giang đang thuê; Phía Đông giáp thửa 190 của ông Hoàng Văn S2, bà Triệu Thị M. Hiện nay trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4 của gia đình bà Hoàng Lệ T1, xây dựng T năm 1996, một bên lợp mái tôn, một bên lợp pò rô xi măng. Giá trị của thửa đất là 401.153.040 đồng.

- Thửa 191, tờ bản đồ 16-5, diện tích là 40,1m², là loại đất nuôi trồng thủy sản (ao), địa chỉ Phố HL, thị trấn TN, huyện H. Trên bản đồ địa chính đo thì thửa 191, tờ bản đồ 16-5 nằm trong thửa 190, tờ bản đồ 16-5. Chưa đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Giá trị của thửa đất là 1.764.400 đồng.

- Thửa số 192, tờ bản đồ 16-5, diện tích 42,6m², loại đất nuôi trồng thủy sản (ao), địa chỉ Phố HL, thị trấn TN, huyện H, có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa 260; Phía Nam giáp thửa 225; Phía Tây giáp thửa 223 (bể xử lý nước thải thị trấn Thanh Nhật); Phía Đông giáp thửa 190 của ông Hoàng Văn S2, bà Triệu Thị M. Chưa đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Giá trị của thửa đất là 1.874.400 đồng.

- Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 17-5, diện tích 288m², địa chỉ đất tại: Đổng Hoan, thị trấn Thanh Nhật, có tứ cận: Phía Bắc giáp đường giao thông đi xã Thị Hoa; phía Nam giáp đường dân sinh và thửa 183 của ông Hoàng Văn Đổng; phía Đông giáp đường dân sinh; phía Tây giáp thửa 134 của gia đình ông Lý Văn Dương. Hiện trên thửa đất có nhà cấp 4 do gia đình bà Hoàng Thị Tr xây dựng, trong đó 01 một phần diện tích nhà và đất là của gia đình bà Hoàng Thị Tr đang ở xây dựng T năm 2000, 01 phần diện tích đất bà Tr đã bán cho Trung tâm thiết bị văn phòng Thái Hà tại huyện H, đại diện là anh Nguyễn Văn Hưng. Giá trị của thửa đất là 1.049.596.200 đồng

-Thửa đất số 120, tờ bản đồ 17-5, diện tích 161,1 m² là loại đất ở đô thị, địa chỉ đất tại: Đổng Hoan, thị trấn Thanh Nhật, có tứ cận: Phía Bắc giáp đường giao thông đi xã Thị Hoa; phía Nam giáp thửa 123 (đất ao) của ông Tài; phía Tây giáp

thửa 106, tờ bản đồ 17-5 của gia đình ông Hoàng Văn Thái; phía Đông giáp thửa đất số 154 của gia đình ông Phùng Văn Coóng, trên đất có 01 nhà cấp 4, hiện bà T, ông Cường đang cho anh Triệu Văn Thọ thuê để làm cửa hàng sửa xe máy. Giá trị của thửa đất là 470.347.560 đồng

-Thửa đất số 154, tờ bản đồ 17-5, diện tích 176,7 m², là loại đất ở đô thị, địa chỉ đất tại: Đoong Hoan, thị trấn Thanh Nhật, có tứ cận: Phía Bắc giáp đường giao thông đi xã Thị Hoa; phía Nam giáp thửa đất số 121 của bà Hoàng Thị Tr; phía Tây giáp thửa 120 của gia đình bà T, ông Cường và thửa 123 (đất ao của ông Tài); phía Đông giáp thửa đất số 155, tờ bản đồ 17-5 của gia đình bà Thẩm Thị H2. Giá trị của thửa đất là 515.893.320 đồng.

-Thửa số 155, tờ bản đồ 17-5, diện tích 114 m², là loại đất ở đô thị, địa chỉ đất tại: Đoong Hoan, thị trấn Thanh Nhật, có tứ cận: Phía Bắc giáp đường giao thông đi xã Thị Hoa; phía Nam giáp thửa đất số 121 của bà Hoàng Thị Tr; phía Tây giáp thửa 154 của ông Phùng Văn Coóng; phía Đông giáp thửa đất số 134 của gia đình ông Lý Văn Dương. Giá trị của thửa đất là 332.834.400 đồng.

-Thửa số 134, tờ bản đồ 17-5, diện tích 114,6 m², là loại đất ở đô thị, địa chỉ đất tại: Đoong Hoan, thị trấn Thanh Nhật, có tứ cận: Phía Bắc giáp đường giao thông đi xã Thị Hoa; phía Nam giáp thửa đất số 121 của bà Hoàng Thị Tr phía Tây giáp thửa 155 của bà Thẩm Thị H2; phía Đông giáp thửa đất số 121 hiện trạng là Cửa hàng phô tô Thái Hà đã mua với bà Hoàng Thị Tr. Giá trị của thửa đất là 334.586.160 đồng.

- Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 18-5, diện tích 658,0m², là đất trồng lúa, địa chỉ: Nà Luống, Xóm ĐH, thị trấn TN, huyện H, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa 149; phía Nam giáp thửa đất số 60 và thửa đất số 59; phía Tây giáp thửa đất số 51; phía Đông giáp thửa đất số 48. Hiện nay thửa đất này đã được Nhà nước thu hồi để làm đường tránh 208 (đường giao thông), diện tích đã thu hồi là 83,3m², diện tích đất còn lại là 574,7m². Hiện trạng trên đất phần diện tích thu hồi là đường giao thông đang thi công, thửa đất có bờ thửa, ranh giới rõ ràng, trên đất không có tài sản gì. Giá trị của thửa đất là 46.718.000 đồng.

- Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 19-5, diện tích 627,3m², là đất trồng lúa, địa chỉ: Nà Boóng, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận: Phía Bắc giáp đường giao thông đi xã Thị Hoa; phía Nam giáp thửa đất số 61; phía Tây giáp thửa đất số 49; phía Đông giáp thửa đất số 51. Hiện trạng, thửa đất có bờ thửa, ranh giới rõ ràng, trên đất không có tài sản gì. Giá trị của thửa đất là 44.538.300 đồng.

- Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 19-5, diện tích 389,3m², loại đất trồng lúa, địa chỉ đất tại: PH, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận: Phía Bắc giáp nương và thửa đất số 24; phía Nam giáp thửa đất số 109 và thửa đất số 38; phía

Tây giáp thửa đất số 147; phía Đông giáp thửa đất số 34. Hiện trạng, thửa đất 36 này đã được Nhà nước thu hồi diện tích là 378,5m² để làm đường tránh 208 (đường giao thông), diện tích đất còn lại là 10,8m², trên đất là con đường đang thi công, không có tài sản gì trên đất. Giá trị của thửa đất là 27.640.300 đồng.

- Thửa đất số 137, tờ bản đồ số 21-5 diện tích 434,2m², là đất trồng lúa, địa chỉ: Bó Pẩu, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 107, thửa đất số 133 là đất của ông Nông Văn Long, bà Hoàng Thị Thuý; phía Nam giáp thửa đất số 11, thửa số 27 và thửa số 26 tờ bản đồ 26-5 là đất của bà Nông Thị Ông, ông Nông Văn Tràng, bà Nông Thị Non; phía Đông giáp thửa đất số 109 và thửa đất số 34 là đất của ông Hoàng Văn Xuân, Hoàng Văn Hải; phía Tây giáp thửa đất số 138 là đất ông Nông Văn Hưng và thửa đất số 133 của ông Nông Văn Long, bà Hoàng Thị Thuý. Hiện trạng, thửa đất này đã được Nhà nước thu hồi một phần diện tích là 64,9m² để làm đường tỉnh lộ 208, diện tích đất còn lại là 369,3m² và không có tài sản, vật kiến trúc trên đất. Giá trị của thửa đất là 21.710.000 đồng.

- Thửa đất số 56, tờ bản đồ 17-5, diện tích 764,3m², là đất trồng lúa, địa chỉ tại: Lãng Mạ, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, tứ cận: Phía Bắc giáp nương và thửa đất số 50; Phía nam giáp nương và UBND thị trấn Thanh Nhật; phía tây giáp nương thủy lợi; Phía đông giáp thửa 57. Đã được Nhà nước thu hồi một phần diện tích là 449,3m² để xây trụ sở Chi cục Thuế huyện H, còn 315m². Giá trị diện tích còn lại của thửa đất là 44.718.000 đồng.

- Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 22-5, diện tích 152,0m², là đất trồng cây hàng năm khác, địa chỉ đất: Đông Chả, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 106 là đất của ông Hoàng Văn S2; phía Nam giáp nương thủy lợi và thửa đất số 114 là đất của bà Thắm Thị Lịch, Lương Thị Hiền; phía Tây giáp các thửa đất số 107, 108 là đất của ông Hoàng Xuân Hình và thửa đất số 112 của bà Thắm Thị Lịch; phía Đông giáp nương thủy lợi. Hiện trạng, thửa đất cò bó thửa, ranh giới rõ ràng, trên đất không có tài sản gì. Giá trị của thửa đất là 6.992.000 đồng.

- Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 22-5, diện tích 2.553,4m², là đất trồng cây hàng năm, địa chỉ đất: Đông Chả, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 80, 160, 79; phía Nam giáp các thửa đất số 115, 116 và 117 là đất của ông Hoàng Văn S2, ông Hoàng Xuân Hình, ông Hoàng Văn Sấm; phía Tây giáp các thửa đất số 107, 82 của ông Hoàng Xuân Hình; phía Đông giáp các thửa đất số 79, 93, 105 của bà Lý Thị Lộc. Hiện trạng, trên đất có 03 ngôi mộ của ông Hoàng Văn S2, bà Triệu Thị M và anh Hoàng Văn B (đều đã chết); trên đất trồng cây ngô đã thu hoạch; thửa đất có bờ thửa, ranh giới rõ ràng. Giá trị của thửa đất là 117.456.400 đồng.

- Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 21-5, diện tích 635,4m², là đất trồng cây hàng năm khác, địa chỉ đất: Bó Pẩu, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 74, 76 là đất của ông Khoáng Văn Lục; phía Nam giáp nương thủy lợi; phía Tây giáp thửa đất 57 là đất của ông Hoàng Xuân Hình; phía Đông giáp thửa đất số 79 là đất của ông Hoàng Xuân Hình. Hiện trạng, trên đất trồng cây ngô đã thu hoạch; thửa đất có bờ thửa, ranh giới rõ ràng. Giá trị của thửa đất là 29.228.400 đồng.

- Thửa đất số 190, tờ bản đồ 16-5 diện tích 222,7m², là đất ở đô thị, địa chỉ đất tại: Phố HL, thị trấn TN, huyện H, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp đường giao thông đi xã Thị Hoa; phía Nam giáp thửa 223 là khu bể xử lý nước thải thị trấn Thanh Nhật; phía Đông giáp thửa đất 188 là đất của ông Lương Văn Đại; phía Tây thửa đất số 186 của gia đình bà Hoàng Lệ T1. Thửa đất có giá trị là 650.194.920 đồng. Tài sản trên gồm có 01 nhà cấp 4 có 02 tầng, liền kề đằng sau có 01 nhà bếp tổng tài sản trên đất có giá trị là 511.962.660. Hiện nay, bà Hoàng Thị H đang quản lý, sử dụng.

(Có sơ đồ các thửa đất kèm theo).

Tại phiên công bố công khai kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đều nhất trí với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và kết luận định giá tài sản trên.

Ngày 13/3/2024, Ủy ban nhân dân huyện H có Công văn số 259/UBND-TNMT về việc cung cấp thông tin đối với các thửa đất được Nhà nước thu hồi để làm công trình đường giao thông theo Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 và Quyết định số 3904/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc Phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Đường tỉnh lộ 208 - Giai đoạn 2, với giá trị các thửa sau: Thửa 49, tờ bản đồ 18-5 thu hồi 83,3m² là 27.030.851đ ; thửa 36, tờ bản đồ 19-5, thu hồi 378,5m² là 122.823.251đ và thửa 137, tờ bản đồ 21-5 thu hồi 64,9m² là 12.006.500đ.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Hoàng Việt VI tại phiên tòa sơ thẩm: Vẫn giữ các yêu cầu theo đơn phản tố. Cụ thể: Anh Hoàng Việt VI yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình theo quy định của Luật đất đai, Bộ luật dân sự để xác định phần quyền của các đồng sử dụng trong khối tài sản chung; thứ hai, chia di sản thừa kế của Ông S2, bà M theo quy định của pháp luật thừa kế, theo đó xác định Ông S2 đã chết có để lại di chúc. Về di chúc nội dung rất rõ ràng phù hợp với quy định của pháp luật nên di chúc của Ông S2 để lại là hợp pháp, xem xét quyền được hưởng thừa kế thế vị của anh Vương theo quy định; thứ ba, tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày

03/3/1995 giữa ông Hoàng Văn S2 với bà Hoàng Thị T và ông Cao Kiên Cường; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 11/12/2001 giữa Ông S2 cho bà Hoàng Lệ T1 và ông Đặng Văn Q; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 31/10/2006 cho bà Hoàng Thị Tr và ông Hoàng Quang Phổ vô hiệu một phần (phần bà Triệu Thị M không trực tiếp tham gia ký hợp đồng, không được bà M định đoạt trong hợp đồng vô hiệu) và đưa phần quyền sử dụng đất của bà M bị tuyên bố vô hiệu vào khối di sản chung để chia thừa kế.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hoàng Thị V, bà Hoàng Thị Tr, bà Hoàng Lệ T1 tại phiên toà sơ thẩm: Nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn, xác định di chúc Ông S2 để lại là không hợp pháp, vì di chúc không bảo đảm các điều kiện quy định tại điểm c, d, đ Điều 653 Bộ luật dân sự. Không nhất trí với các yêu cầu phản tố của bị đơn, người liên quan Hoàng Việt V1, vì xác định không phải tài sản chung của hộ mà tài sản chỉ là của hai vợ chồng Ông S2, bà M; đối với yêu cầu tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà T1, bà Tr vô hiệu thì căn cứ Án lệ số 04/2016/AL của TAND tối cao về vụ án “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” thì việc các Giấy chuyển nhượng này, tuy bà M không ký, nhưng bà M cùng sinh sống tại địa phương, biết rõ việc sử dụng đất của các con nên phải xác định bà M đã đồng ý với việc chuyển nhượng này. Đề nghị áp dụng các điều 652, 653, 675, 676, 677, 685 BLDS năm 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố di chúc của Ông S2 để lại là không hợp pháp và phân chia di sản thừa kế của Ông S2, bà M theo pháp luật và chia bằng hiện vật. Căn cứ án lệ số 04 năm 2016, Điều 8 Nghị Quyết số 04 năm 2019 về áp dụng án lệ đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu tuyên bố vô hiệu một phần các giấy chuyển nhượng đất do Ông S2 chuyển nhượng cho bà T1, bà Tr của người liên quan Hoàng Việt V1. Về án phí đề nghị miễn án phí cho bà T1, Tr, V vì là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Nghị quyết 326 nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lục Thị Hoan trình bày tại phiên toà sơ thẩm: Bà Lục Thị Hoan đã có ý kiến tại các bản tự khai gửi cho Toà, bà Hoan là người thuê đất và tài sản trên đất là ngôi nhà cũ của Ông S2, bà M hiện nay để làm quán nước. Trường hợp Toà giải quyết cho ai di sản thừa kế mà hiện bà đang thuê thì bà Hoan vẫn có nguyện vọng tiếp tục được ký hợp đồng thuê. Các vấn đề liên quan khác nếu có tranh chấp bà sẽ khởi kiện giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Ý kiến của những người làm chứng ông Khoản Văn L và ông Hoàng Doãn L tại phiên toà sơ thẩm: Hai ông đều khẳng định có việc ông Hoàng Văn S2 đến nhờ các ông ký xác nhận vào tờ di chúc, thời điểm đó Ông S2 còn tỉnh táo, minh

mẫn, Ông S2 biết chữ, biết viết vì có thời gian Ông S2 còn làm bí thư chi bộ, trưởng xóm. Ngoài Ông S2 thì không có ai khác mang di chúc đến cho các ông ký xác nhận.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 158; khoản 2 Điều 165; Điều 166; Điều 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 29, 30 của Điều 3 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 33, 66 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 132, 212, 213, 224, 257, 258, 357, 468, 609, 611, 612, 623, 624, 625, 627, 628, 630, 631, 632, 633, 634, 643, 644, 649, 650, 651, 652, 659, 660 và Điều 668 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Án lệ số 03/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ các điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc chia di sản thừa kế của ông Hoàng Văn S2, bà Triệu Thị M.

2. Xác định di chúc của ông Hoàng Văn S2 lập vào năm 2009 là di chúc hợp pháp.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Hoàng Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về chia thừa kế đối với số tiền lợi tức mà bà Hoàng Thị H có được trong thời gian quản lý di sản của ông Hoàng Văn S2 và yêu cầu phân tố của bà Hoàng Thị H về việc xem xét được hưởng công sức bảo quản, giữ gìn di sản và yêu cầu thanh toán mai táng phí.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phân tố của bà Hoàng Thị H và anh Hoàng Việt V1 về chia tài sản chung của hộ gia đình, chia thừa kế theo di chúc đối với phần di sản của ông Hoàng Văn S2 và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Triệu Thị M.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Hoàng Việt V1 về việc chia di sản thừa kế đối với các thửa đất mà Ông S2, bà M đã chuyển nhượng cho bà T, ông Cường, bà Tr, ông Phở và bà T1, ông Quân gồm thửa đất số 186, tờ bản đồ 16-5; các thửa đất số 120, 121, 134, 154 và thửa 155 cùng tờ bản đồ 16-5, cùng địa chỉ đất tại: Đoòng Hoan, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

6. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Hoàng Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với 01 cái ao cá đằng sau nhà của bà Hoàng Thị H đang ở, các thửa đất Khum Toi, thửa đất Ngườm Thong và các tài sản là trâu bò, hoa màu liệt kê trong di chúc của ông Hoàng Văn S2.

7. Việc phân chia tài sản cụ thể như sau:

+ Bà Hoàng Thị H và anh Hoàng Việt V1 được quản lý, sử dụng:

- Thửa đất số 175, tờ bản đồ số 16-5, diện tích 211,5m², loại đất ở đô thị, địa chỉ tại: Phố HL, thị trấn TN, có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp thửa 167; phía Nam giáp chợ cũ Hạ Lang; phía Đông giáp thửa 176; phía Tây giáp đường giao thông đi xã Vinh Quý.

- Bà Huyền và anh Vương được quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất 175, tờ bản đồ số 16-5 gồm: Lô số 1 (Quán Củ Hành) + Lô số 2 (4 lô ki ốt) 06 lô ki ốt.

- Thửa số 192, tờ bản đồ 16-5, diện tích 42,6m², loại đất nuôi trồng thủy sản (ao), địa chỉ Phố HL, thị trấn TN, huyện H, có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa 260; Phía Nam giáp thửa 225; Phía Tây giáp thửa 223 (bể xử lý nước thải thị trấn Thanh Nhật); Phía Đông giáp thửa 190 của ông Hoàng Văn S2, bà Triệu Thị M.

- Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 18-5, diện tích 574,7m² và giá trị 83,3m² đất thuộc thửa số 49, tờ bản đồ 18-5, đã được Nhà nước thu hồi trị giá 27.030.851 đồng, thửa đất có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa 149; phía Nam giáp thửa đất số 60 và thửa đất số 59; phía Tây giáp thửa đất số 51; phía Đông giáp thửa đất số 48.

- Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 19-5, diện tích 627,3m², là đất trồng lúa, địa chỉ: Nà Boóng, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận: Phía Bắc giáp đường giao thông đi xã Thị Hoa; phía Nam giáp thửa đất số 61; phía Tây giáp thửa đất số 49; phía Đông giáp thửa đất số 51.

- Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 19-5, diện tích 10,8m² và giá trị 378,5m² đất thuộc thửa số 36, tờ bản đồ 19-5, đã được Nhà nước thu hồi trị giá 122.823.251 đồng; địa chỉ đất tại: PH, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận: Phía Bắc giáp nương và thửa đất số 24; phía Nam giáp thửa đất số 109 và thửa đất số 38; phía Tây giáp thửa đất số 147; phía Đông giáp thửa đất số 34.

- Thửa đất số 137, tờ bản đồ số 21-5, diện tích 369,3m² và giá trị 64,9m² đất thuộc thửa số 137, tờ bản đồ 21-5, đã được Nhà nước thu hồi trị giá 12.006.500 đồng; địa chỉ thửa đất tại: Bó Pầu, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 107, thửa đất số 133 là đất của ông Nông Văn Long, bà Hoàng Thị Thuý; phía Nam giáp thửa đất số 11, thửa số 27 và thửa số 26 tờ bản đồ 26-5 là đất của bà Nông Thị Ổng, ông Nông Văn Tràng, bà Nông Thị Non; phía Đông giáp thửa đất số 109 và thửa đất số 34 là đất của ông Hoàng Văn Xuân, Hoàng Văn Hải; phía Tây giáp thửa đất số 138 là đất ông Nông Văn Hưng và thửa đất số 133 của ông Nông Văn Long, bà Hoàng Thị Thuý.

- Thửa đất số 56, tờ bản đồ 17-5, diện tích 315m² và giá trị 449,3m² đất thuộc thửa số 56, tờ bản đồ 17-5, đã được Nhà nước thu hồi trị giá 130.386.850 đồng (bà Huyền đã nhận theo theo Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 16/5/2011 của Ủy ban nhân dân huyện H), địa chỉ thửa đất tại: Lãng Mạ, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, tứ cận: Phía Bắc giáp nương và thửa đất số 50; Phía nam giáp nương và UBND thị trấn Thanh Nhật; phía tây giáp nương thủy lợi; Phía đông giáp thửa 57.

- Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 22-5, diện tích 2.553,4m², là đất trồng cây hàng năm, địa chỉ đất: Đông Chả, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 80, 160, 79; phía Nam giáp các thửa đất số 115, 116 và 117 là đất của ông Hoàng Văn S2, ông Hoàng Xuân Hình, ông Hoàng Văn Sấm; phía Tây giáp các thửa đất số 107, 82 của ông Hoàng Xuân Hình; phía Đông giáp các thửa đất số 79, 93, 105 của bà Lý Thị Lộc.

- Thửa đất số 190, tờ bản đồ 16-5 diện tích 222,7m², là đất ở đô thị, địa chỉ đất tại: Phố HL, thị trấn TN, huyện H, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp đường giao thông đi xã Thị Hoa; phía Nam giáp thửa 223 là khu bể xử lý nước thải thị trấn Thanh Nhật; phía Đông giáp thửa đất 188 là đất của ông Lương Văn Đại; phía Tây thửa đất số 186 của gia đình bà Hoàng Lệ T1. Bà Huyền, anh Vương có quyền sở hữu tài sản trên đất gồm có 01 nhà cấp 4 có 02 tầng, liền kề đằng sau có 01 nhà bếp.

+ Bà Hoàng Thị T, Hoàng Thị V, Hoàng Thị Tr và Hoàng Lệ T1 được quản lý, sử dụng: Thửa đất số 193, tờ bản đồ 16-5, diện tích 244,1m², loại đất ở đô thị, địa chỉ đất tại: Phố HL, thị trấn TN, tên gọi theo tiếng địa phương là Nà Pác Keo (Tẩu Háng), có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp đường giao thông đi xã Thị Hoa; phía Nam giáp thửa đất 186 của hộ gia đình bà Hoàng Lệ T1; phía Đông giáp thửa 260 của hộ gia đình bà Hoàng Lệ T1; phía Tây giáp suối. Trong đó mỗi người được chia diện tích 61m² đất thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ 16-5 tương ứng giá trị 178.168.590 đồng. Bà Hoàng Thị T, Hoàng Thị V, Hoàng Thị Tr và Hoàng Lệ T1 có quyền thỏa thuận người nhận hiện vật hoặc bán hiện vật để chia.

+ Bà Hoàng Thị Tr được quản lý, sử dụng: Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 22-5, diện tích 152,0m², là đất trồng cây hàng năm khác, địa chỉ đất: Đông Chả, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, đất có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 106 là đất của ông Hoàng Văn S2; phía Nam giáp nương thuy lợi và thửa đất số 114 là đất của bà Thâm Thị Lích, Lương Thị Hiền; phía Tây giáp các thửa đất số 107, 108 là đất của ông Hoàng Xuân Hình và thửa đất số 112 của bà Thâm Thị Lích; phía Đông giáp nương thuy lợi.

+ Bà Hoàng Lê T1 được quản lý, sử dụng: Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 21-5, diện tích 635,4m², là đất trồng cây hàng năm khác, địa chỉ đất: Bó Pâu, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 74, 76 là đất của ông Khoảng Văn Lục; phía Nam giáp nương thuy lợi; phía Tây giáp thửa đất 57 là đất của ông Hoàng Xuân Hình; phía Đông giáp thửa đất số 79 là đất của ông Hoàng Xuân Hình.

+ Chị Lục Thị Huyền Tr được nhận số tiền là 93.665.704 đồng.

+ Chị Lục Thị Lan H được nhận số tiền là 93.665.704 đồng.

+ Chị Nông Thị Thuý K2 được được nhận số tiền 93.665.704 đồng.

+ Chị Nông Thị Bích N được nhận số tiền là 93.665.704 đồng.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

(Kèm theo Bản án có các mảnh trích đo địa chính sơ đồ các thửa đất).

8. Về nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch tài sản:

Bà Hoàng Lê T1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền chênh lệch của giá trị quyền sử dụng đất cho bà Hoàng Thị H, anh Hoàng Việt V1 mỗi người là 10.032.791 đồng.

Bà Hoàng Thị H và anh Hoàng Việt V1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền chênh lệch của giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho những người thừa kế như sau:

- Bà Hoàng Thị H, anh Hoàng Việt V1 mỗi người thanh toán số tiền 4.581.409 đồng cho bà Hoàng Thị T;

- Bà Hoàng Thị H, anh Hoàng Việt V1 mỗi người thanh toán số tiền 4.581.409 đồng cho bà Hoàng Thị V;

Bà Hoàng Thị H, anh Hoàng Việt V1 mỗi người thanh toán số tiền 1.085.409 đồng cho bà Hoàng Thị Tr;

- Bà Hoàng Thị H, anh Hoàng Việt V1 mỗi người thanh toán số tiền 46.832.852 đồng cho Lục Thị Huyền Tr;

- Bà Hoàng Thị H, anh Hoàng Việt V1 mỗi người thanh toán số tiền 46.832.852 đồng cho Lục Thị Lan H;

- Bà Hoàng Thị H, anh Hoàng Việt V1 mỗi người thanh toán số tiền 46.832.852 đồng cho Nông Thị Thúy K;

- Bà Hoàng Thị H, anh Hoàng Việt V1 mỗi người thanh toán số tiền 46.832.852 đồng cho Nông Thị Bích N;

Kể T ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/10/2024, nguyên đơn Hoàng Thị T có đơn kháng cáo không nhất trí với Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Phân chia di sản của ông Hoàng Văn S2 và bà Triệu Thị M theo hướng di sản là khối tài sản chung của Ông S2, bà M, không phải hộ gia đình 05 thành viên và cần chia theo 07 người con theo pháp luật.

- Xác định di chúc của ông Hoàng Văn S2 là không hợp pháp.

- Xem xét chia số tiền bồi thường khi thu hồi đất, tổng số là 405.240.752 đồng cho những người thuộc hàng thừa kế, yêu cầu chia giá trị bằng tiền vì hiện nay đất đã bị nhà nước thu hồi.

- Yêu cầu chia đồng đều diện tích đất ở và diện tích đất canh tác cho những người thừa kế được kỳ phần bằng nhau.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/10/2024, bị đơn Hoàng Thị H có đơn kháng cáo không nhất trí với Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

- Di chúc của ông Hoàng Văn S2 là hợp pháp vì thể hiện ý chí của Ông S2 để lại phần di sản của Ông S2 cho những người thừa kế, phần Ông S2 tự định đoạt được chia theo quy định của pháp luật.

- Không đồng ý việc Tòa án áp dụng án lệ số 04/2016 trong vụ án này vì không thể cho rằng việc Ông S2 chia đất cho các con là T, Tr, T1 do đã được cấp giấy chứng nhận, đã chuyển nhượng và không có chữ ký của bà M nhưng được coi là bà M không phản đối nên việc chuyển nhượng hay tặng cho đất của Ông S2 là có hiệu lực và không được xem xét là di sản, vì nếu chỉ có phần định đoạt tài sản cho bên nguyên đơn thì việc áp dụng án lệ 04/2016 mới là chính xác.

- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng kiểm tra, đánh giá lại toàn bộ các giấy tờ tặng cho, chuyển nhượng và các tờ khai để cấp giấy chứng nhận của các chị T, Tr, T1 để làm rõ đâu là thật, đâu là giả và tại sao có rất nhiều mốc thời gian tặng cho hoặc chuyển nhượng đến như vậy.

- Việc chia thừa đất ở số 193 có diện tích 144,1 m² (xe máy Trường Giang đang thuê) cho chị T, V, Tr là chưa đảm bảo sự công bằng vì tính theo kỹ phân được chia thì những người này không được chia và được chia thừa đất có mặt tiền thuận lợi nhiều như vậy, vì các chị đều đã được chia toàn là đất mặt đường, có giá trị nhiều hơn so với giá trị được định giá.

Ngày 14/10/2024, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Hoàng Lê T1 có đơn kháng cáo không nhất trí với Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

- Xác định di chúc ông Hoàng Văn S2 để lại là không hợp pháp.

- Không chấp nhận đơn yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị H, anh Hoàng Việt V1.

- Chia di sản thừa kế của ông Hoàng Văn S2, bà Triệu Thị M để lại theo quy định của pháp luật về thừa kế và chia bằng hiện vật.

Ngày 14/10/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hoàng Việt V1 có đơn kháng cáo không nhất trí với Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng: Xem xét chấp nhận yêu cầu phản tố và tuyên bố vô hiệu một phần đối với các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 03/3/1995 giữa ông Hoàng Văn S2 với bà Hoàng Thị T và ông Cao Kiên Cường, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 11/12/2001 giữa ông Hoàng Văn S2 với bà Hoàng Lê T1 và ông Đặng Văn Q, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 31/10/2006 giữa ông Hoàng Văn S2 với

bà Hoàng Thị Tr và ông Hoàng Quang Phổ (phần bà Triệu Thị Mùi không trực tiếp tham gia hợp đồng, không được bà M định đoạt trong hợp đồng vô hiệu) và đưa phần quyền sử dụng đất của bà M bị tuyên bố vô hiệu vào khối di sản chung để chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/10/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nông Thị Thúy K và Nông Thị Bích N có đơn kháng cáo không nhất trí với Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng sửa bản án sơ thẩm:

- Xác định khối tài sản là tài sản chung của Ông S2, bà M.
- Xác định di chúc của Ông S2 để lại là không hợp pháp và chia thừa kế theo quy định của pháp luật.
- Yêu cầu được chia bằng hiện vật theo kỹ phần được hưởng.

Ngày 28/10/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2473/QĐ-VKS-DS đối với Bản án số 16/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, những có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo và giữ nguyên lời trình bày tại cấp sơ thẩm

Tại phần tranh luận tại phiên toà phúc thẩm đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đều giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng giữ nguyên kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

* Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

* Về tính hợp pháp của kháng nghị:

Xét thấy Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng có nhiều vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án nên ngày 28/10/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2473/QĐ-VKS-DS đối với Bản án số 16/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng ban hành kháng nghị đúng thẩm quyền theo Điều 278 BLTTDS năm 2015; đúng thời hạn theo quy định tại Điều 280 BLTTDS năm 2015.

***Về tính có căn cứ của kháng nghị:**

Việc thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng trong vụ án này có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Nội dung bản án vi phạm về việc áp dụng sai, thiếu điều luật, phân tích, nhận định và đánh giá chứng cứ không có cơ sở, không khách quan, không đúng theo quy định của pháp luật.

Qua kiểm sát việc thụ lý giải quyết của tòa án, nghiên cứu hồ sơ và đánh giá chứng cứ, đối với nội dung bản án Viện kiểm sát đã kháng nghị, Kiểm sát viên nhận thấy việc giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng tại Bản án số: 16/2024/DS-ST, ngày 30 tháng 9 năm 2024 có những vi phạm như sau:

Thứ nhất, vi phạm trong việc xác định sai về tài sản chung của hộ gia đình, xác định sai về di sản thừa kế

- Về xác định tài sản chung của hộ gia đình:

Theo quy định tại Điều 108 Bộ luật Dân sự năm 2005:

"Điều 108. Tài sản chung của hộ gia đình

Tài sản chung của hộ gia đình gồm quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng, rừng trồng của hộ gia đình, tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên hoặc được tặng cho chung, được thừa kế chung và các tài sản khác mà các thành viên thỏa thuận là tài sản chung của hộ".

Tại khoản 29, Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *"Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất"*.

Khoản 1, Điều 102 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Việc xác định tài sản chung của các thành viên hộ gia đình, quyền, nghĩa vụ đối với tài sản này được xác định theo quy định tại Điều 212 của Bộ luật này"*.

Dẫn chiếu đến Khoản 1 Điều 212 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định:

"Điều 212. Sở hữu chung của các thành viên trong gia đình

1. Tài sản của các thành viên trong gia đình cùng sống chung gồm tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên, và những tài sản khác được xác lập quyền sở hữu theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan".

Trong vụ án này, đối với tất cả các thửa đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế có căn cứ khẳng định là tài sản chung của vợ chồng ông Hoàng Văn S2 và bà Triệu Thị M. Bởi trong quá trình giải quyết vụ án mọi đương sự đều thừa nhận nguồn gốc tất cả các thửa đất là của tổ tiên để lại thừa kế cho Ông S2, bà M mà không phải do ông Hoàng Văn B, bà Hoàng Thị H, anh Hoàng Việt V1 cùng đóng góp, tạo lập nên cũng không phải được thừa kế chung hay được tặng cho chung các tài sản là quyền sử dụng đất nói trên. Hơn nữa giữa Ông S2, bà M không có bất kỳ sự thỏa thuận nào với anh B, bà Huyền và anh Vương về việc các thửa đất và tài sản trên đất là tài sản chung của hộ gia đình thể hiện trong hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về sự thỏa thuận này. Đồng thời, tại đơn xin cấp GCNQSD đất ngày 20/3/2008 thể hiện Ông S2 chỉ kê khai tên người sử dụng đất là Hoàng Văn S2 và Triệu Thị M, không liệt kê tên của các thành viên khác trong gia đình có chung quyền sử dụng đất. Hơn nữa tại Công văn số: 977/UBND-TNMT ngày 04/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện H cung cấp hồ sơ tài liệu có nội dung: "*Việc cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông Hoàng Văn S2, bà Triệu Thị M là cấp cho hộ ông, bà; tại thời điểm năm 2008 đơn xin cấp của hộ gia đình Hoàng Văn S2, bà Triệu Thị M là cấp cho hộ ông, bà; không ghi những người đồng sử dụng; không tìm được hồ sơ, tài liệu nào xác định cụ thể họ tên các thành viên hộ gia đình Ông S2, bà M vào thời điểm cấp GCNQSDĐ*"

Theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Cư trú năm 2006

"Điều 24. Sổ hộ khẩu

1. Sổ hộ khẩu được cấp cho hộ gia đình hoặc cá nhân đã đăng ký thường trú và có giá trị xác định nơi thường trú của công dân."

Như vậy sổ hộ khẩu là loại giấy tờ để quản lý về nơi cư trú, có ý nghĩa về mặt hộ tịch nên chỉ có giá trị xác định nơi thường trú hợp pháp của công dân mà không phản ánh, thể hiện được các tiêu chí để xác định thành viên của hộ gia đình sử dụng đất.

Tuy nhiên tại Bản án số: 16/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện H lại căn cứ việc cấp GNCQSDĐ có chữ "hộ" và theo sổ hộ khẩu để xác định số thành viên của hộ gia đình tại thời điểm cấp GCNQSDĐ để xác định quyền sử dụng đất đối với các thửa đất cấp cho "Hộ ông Hoàng Văn S2, bà Triệu Thị M" là tài sản chung của hộ gia đình gồm 05 người là ông Hoàng Văn S2, bà Triệu Thị M, ông Hoàng Văn B, bà Hoàng Thị H và anh Hoàng Việt V1 là không chính xác,

vi phạm các Điều 108, 212 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 24 Luật Cư trú năm 2006 và khoản 29, Điều 3 Luật đất đai năm 2013 như đã dẫn chiếu ở trên.

- Về việc xác định di sản thừa kế:

Theo quy định tại Điều 612 BLDS năm 2015, “Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác”.

Như đã phân tích ở trên, toàn bộ các thửa đất tranh chấp và tài sản trên đất cũng như số tiền mà Nhà nước đã bồi thường khi thu hồi đất đều là tài sản chung của Ông S2, bà M, nên được xác định là di sản thừa kế của Ông S2, bà M. Bản thân Ông S2, bà M, phần di sản của mỗi người để lại được xác định là ½ giá trị tài sản tương đương với 1.776.764.016 đồng. Tại Bản án xác định di sản thừa kế của Ông S2, bà M bao gồm 1/5 giá trị tài sản chung của hộ gia đình và ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng là không chính xác, vi phạm Điều 612 BLDS năm 2015.

Thứ hai, vi phạm về việc xác định tính hợp pháp của di chúc

- Việc lập di chúc không tuân thủ đúng quy định của pháp luật:

Theo quy định tại Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005:

"Điều 656. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng

Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc.

Việc lập di chúc phải tuân theo quy định tại Điều 653 và Điều 654 của Bộ luật này."

Tòa án nhân dân huyện H nhận định di chúc của ông Hoàng Văn S2 là di chúc được lập bằng văn bản có 2 người làm chứng và xác định di chúc trên hợp pháp là không chính xác.

Tại phiên tòa, ông Khoản Văn L và ông Hoàng Doãn L là 2 người làm chứng trong bản di chúc xác nhận "*hai ông đều khẳng định có việc ông Hoàng Văn S2 đến nhờ các ông ký xác nhận vào tờ di chúc...ngoài Ông S2 thì không có ai khác mang di chúc đến cho các ông ký xác nhận*" (thể hiện tại trang 12 của bản án), điều đó cho thấy thực tế là sau khi bản di chúc được lập, Ông S2 đã ký di chúc và sau đó mới đem bản di chúc đến xin chữ ký xác nhận của 2 người làm chứng đồng nghĩa với việc ông Lý và ông Lộc không có mặt tại thời điểm lập di chúc để chứng kiến sự việc lập và kí di chúc, cũng như xác nhận làm chứng nội dung của di chúc;

vì vậy không thể hiện đúng bản chất và vai Tr của người làm chứng di chúc theo đúng quy định Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005, do đó di chúc không hợp pháp về mặt hình thức và trình tự lập di chúc.

- Về nội dung di chúc: Ông Hoàng Văn S2 lập di chúc với nội dung để lại toàn bộ đất đai, tài sản cho con trai Hoàng Văn B, con dâu Hoàng Thị H, cháu Hoàng Việt V1.

Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000

"Điều 27. Tài sản chung của vợ chồng

1. Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh và những thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và những tài sản khác mà vợ chồng thoả thuận là tài sản chung.

Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng. Quyền sử dụng đất mà vợ hoặc chồng có được trước khi kết hôn, được thừa kế riêng chỉ là tài sản chung khi vợ chồng có thoả thuận.

Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất.

Tại Điều 219 Bộ luật Dân sự năm 2005 có quy định:

"1. Sở hữu chung của vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất".

Theo quy định tại điểm b khoản 1, Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005

"Điều 652. Di chúc hợp pháp

1. Di chúc được coi là hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép;

b) Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật."

Bản án xác định di chúc của ông Hoàng Văn S2 là hợp pháp, có hiệu lực đối với phần tài sản trong khối tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình và ½ giá trị tài sản của Ông S2 trong khối tài sản chung của vợ chồng Ông S2, bà M là không chính xác, vi phạm khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Khoản 1 Điều 219 BLDS năm 2005. Bởi vì: Trên thực tế toàn bộ các thửa đất và tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông Hoàng Văn S2 và bà Triệu Thị M, theo đó ông Hoàng Văn S2 chỉ có quyền quản lý, sử dụng đối với ½ giá trị tài sản

chung. Như vậy về nguyên tắc, Ông S2 khi lập di chúc chỉ được định đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình mà không được quyền định đoạt cả phần tài sản của người khác, trong nội dung di chúc Ông S2 để lại đã định đoạt toàn bộ tài sản đất đai gồm có cả phần tài sản thuộc sở hữu của bà M là vi phạm điểm b khoản 1 Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005 do đó di chúc không hợp pháp về mặt nội dung. Do di chúc không hợp pháp nên di sản cần phải được chia theo pháp luật.

Thứ ba, vi phạm về nguyên tắc phân chia di sản thừa kế

- Vi phạm về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự

Khoản 1, Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định:

"Điều 5. Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự

1. Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó".

Trong vụ án này, nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu chia di sản bằng hiện vật. Tuy nhiên, sau thu hồi một số diện tích của một số thửa, UBND huyện H có bồi thường bằng giá trị tiền như thu hồi diện tích 83,3m² thuộc thửa 49, tờ bản đồ số 18-5 (đã bồi thường số tiền 27.030.851 đồng); thu hồi 378,5m² thuộc thửa 36, tờ bản đồ 19-5 (đã bồi thường 122.823.251 đồng); thu hồi 64,9m² thuộc thửa 137, tờ bản đồ 21-5 (đã bồi thường 12.006.500 đồng); thu hồi 449,3m² thuộc thửa 56, tờ bản đồ 17-5 (bản thân bà Huyền đã nhận tiền bồi thường là 130.386.850 đồng). Như vậy diện tích đất được coi là di sản thừa kế không còn tại thời điểm chia thừa kế do Nhà nước thu hồi nên không thể chia bằng hiện vật. Về nguyên tắc, phải phân định rõ việc phân chia di sản bằng tiền là giá trị tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, sau đó mới xem xét đến diện tích đất còn lại tại thời điểm phân chia di sản để chia bằng hiện vật theo yêu cầu và nguyện vọng của các đương sự.

Khoản 2, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

"Điều 660. Phân chia di sản theo pháp luật

...

2. Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật, nếu không thể chia đều bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận hiện vật, nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia".

Trong vụ án này, các hàng thừa kế và diện thừa kế theo pháp luật gồm có Hoàng Thị V, Hoàng Thị Tr, Hoàng Thị T, Hoàng Lệ T1, Lục Thị Huyền Tr, Lục Thị Lan H, Nông Thị Thúy K và Nông Thị Bích N đều yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và chia bằng hiện vật. Hơn nữa di sản để lại của Ông S2, bà M không thuộc trường hợp không thể chia bằng hiện vật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người thừa kế không thỏa thuận với nhau về người nhận hiện vật nhưng Bản án số: 16/2024/DS-ST, ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng lại nhận định: Do Lục Thị Huyền Tr, Lục Thị Lan H, Nông Thị Thúy K, Nông Thị Bích N đi làm ăn xa, không sinh sống tại địa phương, giá trị di sản thừa kế mỗi người được hưởng ít nhất, di sản đã ưu tiên chia cho người thừa kế trên nên chia di sản giá trị bằng tiền cho những người thừa kế này, mỗi người 93.665.704 đồng là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ và vi phạm quy định tại khoản 2, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thứ tư, vi phạm trong việc xác định yêu cầu phản tố

Theo khoản 1, Điều 200 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định:

“Điều 200. Quyền yêu cầu phản tố của bị đơn

1. Cùng với việc phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.”

Điều 201 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cũng quy định:

“Điều 201. Quyền yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc với bên bị đơn thì họ có quyền yêu cầu độc lập...

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền đưa ra yêu cầu độc lập trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”.

Trong vụ án này anh Hoàng Việt V1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng ngày 09/01/2023 lại có đơn phản tố gửi Tòa án nhân dân huyện H. Theo quy định của pháp luật thì chỉ bị đơn mới có quyền yêu cầu phản tố, anh Vương tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên yêu cầu của anh Vương phải được xác định là yêu cầu độc lập, nhưng Tòa án đã xác định yêu cầu của anh Hoàng Việt V1 là yêu cầu phản tố là không chính xác, vi phạm khoản 1, Điều 200 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Thứ năm, vi phạm trong việc áp dụng sai Án lệ

Toà án nhân dân huyện H nhận định: Xét yêu cầu tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay giữa ông Hoàng Văn S2 với vợ chồng bà Hoàng Thị T, ông Cao Kiên Cường, vợ chồng bà Hoàng Lệ T1, ông Đặng Văn Q và vợ chồng bà Hoàng Thị Tr, ông Hoàng Quang Phô, các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên viết tay tuy chỉ có chữ ký của Ông S2 nhưng căn cứ Án lệ số 03/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xác định là vợ chồng các con đã được bố mẹ tặng cho quyền sử dụng đất là không chính xác.

Đối với vụ án này, giữa Ông S2 và vợ chồng các con đã ký kết với nhau hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (chỉ có chữ ký của Ông S2, không có chữ ký của bà M) nhưng không thể nhận định các quyền sử dụng đất của vợ chồng các con (vợ chồng bà T, ông Cường, vợ chồng bà T1, ông Quân, vợ chồng bà Tr ông Phô) là do bố mẹ tặng cho mà thực tế đó là quá trình nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (là quá trình mua bán đất, trong hợp đồng có ghi số tiền thực tế thanh toán tương ứng với giá trị thửa đất). Vì vậy cần áp dụng Án lệ số 04/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao với nội dung: Trường hợp nhà đất là tài sản chung của vợ chồng mà chỉ có một người đứng tên ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất đó cho người khác, người còn lại không ký tên trong hợp đồng; nếu có đủ căn cứ xác định bên chuyển nhượng đã nhận đủ số tiền theo thỏa thuận, người không ký tên trong hợp đồng biết và cùng sử dụng tiền chuyển nhượng nhà đất; bên nhận chuyển nhượng nhà đất đã nhận và quản lý, sử dụng nhà đất đó công khai; người không ký tên trong hợp đồng biết mà không có ý kiến phản đối gì thì phải xác định là người đó đồng ý với việc chuyển nhượng nhà đất.

Thứ sáu, vi phạm về xác định án phí, chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản

Do Bản án số: 16/2024/DS-ST, ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện H đã có vi phạm trong việc xác định tài sản chung, xác định di sản thừa kế không đúng T đó phân chia không đúng giá trị kỹ phần của 1 suất thừa kế mà mỗi người thừa kế được hưởng, dẫn tới việc xác định sai án phí dân sự sơ thẩm buộc các đương sự phải chịu và tuyên sai về người phải chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, vi phạm khoản 1, 2 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 157 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì vậy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành là đảm bảo có căn cứ, chỉ rõ những vi phạm, đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ: khoản 5 Điều 26; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi xem xét đơn kháng cáo; tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Toà án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xem xét thẩm định tại chỗ, thu thập và giao nộp chứng cứ và hoà giải, trình tự và thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm.

Đơn kháng cáo của những người kháng cáo: Nguyên đơn Hoàng Thị T; Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Hoàng Lệ T1; Bị đơn Hoàng Thị H; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Hoàng Việt V1, Nông Thị Thuý K2, Nông Thị Bích N đều nộp trong thời hạn Luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng trong thời hạn Luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.1] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị H và của anh Hoàng Việt V1

Ngày 14/10/2024, bị đơn Hoàng Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết: Di chúc của ông Hoàng Văn S2 là hợp pháp vì thể hiện ý chí của Ông S2 để lại phần di sản của Ông S2 cho những người thừa kế, phần Ông S2 tự định đoạt vượt quá được chia theo pháp luật; Không đồng ý việc Tòa án áp dụng án lệ số 04/2016 trong vụ án này; Đề nghị Tòa án kiểm tra, đánh giá lại toàn bộ các giấy tờ tặng cho, chuyển nhượng và các tờ khai để cấp giấy chứng nhận của các chị T, Tr, T1; Việc chia thừa đất ở số 193, diện tích 244,1m² (xe máy Trường Giang đang thuê) cho chị T, V, Tr là chưa đảm bảo công bằng.

Ngày 14/10/2024, đại diện theo uỷ quyền của anh Hoàng Việt V1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xem xét chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Vương và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay giữa ông Hoàng Văn S2 với bà Hoàng Thị T, ông Cao Văn C2, giữa Ông S2 với bà Hoàng Lệ T1 và ông Đặng Văn Q, giữa Ông S2 với bà Hoàng Thị Tr và ông Hoàng Quang Phổ (phần bà Triệu Thị M không trực tiếp

tham gia hợp đồng, không được bà M định đoạt trong hợp đồng vô hiệu) và đưa phần quyền sử dụng đất của bà Triệu Thị M bị tuyên bố vô hiệu vào khối di sản chung để chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Xét thấy:

Đối với các thửa đất số 120, 154, 155, 134, tờ bản đồ 17-5 ông Hoàng Văn S2 đã chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị T và ông Cao Kiên Cường theo Giấy nhượng đất viết tay ngày 03/3/1995; thửa đất số 121, tờ bản đồ 17-5 ông Hoàng Văn S2 đã chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị Tr và ông Hoàng Quang Phổ theo Giấy chuyển nhượng đất viết tay ngày 31/10/2006; thửa đất số 186, tờ bản đồ 16-5 ông Hoàng Văn S2 đã chuyển nhượng cho bà Hoàng Lệ T1 và ông Đặng Văn Q theo Giấy nhượng đất viết tay ngày 11/12/2001:

Căn cứ theo quy định tại Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2015 "*Thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu quy định tại các Điều 125, 126, 127, 128 và 129 của bộ luật này là 02 năm*" do vậy đã hết thời hiệu yêu cầu tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

Mặt khác, các thửa đất trên được Ông S2 và các con lập giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Mặc dù trong các giấy tờ chuyển nhượng chỉ có chữ ký của Ông S2, không có chữ ký của bà M, tuy nhiên bà M biết việc chuyển nhượng và không có ý kiến gì, các con đã quản lý, sử dụng ổn định T thời điểm nhận chuyển nhượng. Do đó cần áp dụng Án lệ số 04/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao với nội dung: Trường hợp nhà đất là tài sản chung của vợ chồng mà chỉ có một người đứng tên ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất đó cho người khác, người còn lại không ký tên trong hợp đồng; nếu có căn cứ xác định bên chuyển nhượng đã nhận đủ số tiền theo thỏa thuận, người không ký tên trong hợp đồng biết và cùng sử dụng tiền chuyển nhượng nhà đất; bên nhận chuyển nhượng nhà đất đã nhận và quản lý, sử dụng nhà đất đó công khai; người không ký tên trong hợp đồng biết mà không có ý kiến phản đối gì thì phải xác định là người đó đồng ý với việc chuyển nhượng nhà đất.

Do đó, các thửa đất số 120, 121, 154, 155, 134, tờ bản đồ 17-5 và thửa đất số 186, tờ bản đồ 16-5 không phải là di sản thừa kế, không có căn cứ đưa vào khối di sản chung để chia thừa kế như yêu cầu kháng cáo của anh Hoàng Việt V1.

Vì vậy kháng cáo của bà Hoàng Thị H và anh Hoàng Việt V1 không có căn cứ chấp nhận.

[1.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị T; bà Hoàng Lệ T1, Chị Nông Thị Bích N, Chị Nông Thị Thuý K2 là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[2] Đối với bản di chúc của ông Hoàng Văn S2 lập vào năm 2009

Trên thực tế toàn bộ các thửa đất và tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông Hoàng Văn S2 và bà Triệu Thị M, theo đó ông Hoàng Văn S2 chỉ có quyền quản lý, sử dụng đối với ½ giá trị tài sản chung. Như vậy về nguyên tắc, Ông S2 khi lập di chúc chỉ được định đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình mà không được quyền định đoạt cả phần tài sản của người khác, trong nội dung di chúc Ông S2 để lại đã định đoạt toàn bộ tài sản đất đai gồm có cả phần tài sản thuộc sở hữu của bà M là vi phạm vi phạm khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Khoản 1 Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2005, điểm b khoản 1 Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005 do đó di chúc không hợp pháp về mặt nội dung.

Di chúc có 2 người làm chứng, tuy nhiên lời khai của người làm chứng khai không nhất quán, tự mâu thuẫn với lời khai của chính mình về địa điểm lập di chúc, do đó không khách quan, không khách quan về việc xác định nội dung di chúc cũng như ý chí của Ông S2, hơn nữa không đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật đối với di chúc có người làm chứng vì chỉ đến nhờ ký. Ông S2 đã ký di chúc và sau đó mới đem bản di chúc đến xin chữ ký xác nhận của 2 người làm chứng đồng nghĩa với việc ông Lý và ông Lộc không có mặt tại thời điểm lập di chúc để chứng kiến sự việc lập và kí di chúc, cũng như xác nhận làm chứng nội dung của di chúc. Do đó di chúc không hợp pháp về trình tự thủ tục lập di chúc.

Do di chúc không hợp pháp về nội dung và không hợp pháp về trình tự thủ tục lập di chúc nên di sản cần phải được chia theo pháp luật.

[3] Về việc áp dụng án lệ: Giữa Ông S2 và vợ chồng các con đã ký kết với nhau hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (chỉ có chữ ký của Ông S2, không có chữ ký của bà M) nhưng không thể nhận định các quyền sử dụng đất của vợ chồng các con (vợ chồng bà T ông Cường, vợ chồng bà T1 ông Quân, vợ chồng bà Tr ông Phổ) là do bố mẹ tặng cho mà thực tế đó là quá trình nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (là quá trình mua bán đất, trong hợp đồng có ghi số tiền thực tế thanh toán tương ứng với giá trị thửa đất). Vì vậy cần áp dụng Án lệ số 04/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao với nội dung: Trường hợp nhà đất là tài sản chung của vợ chồng mà chỉ có một người đứng tên ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất đó cho người khác, người còn lại không ký tên trong hợp đồng; nếu có đủ căn cứ xác định bên chuyển nhượng đã nhận đủ số tiền theo thỏa thuận, người không ký tên trong hợp đồng biết và cùng sử dụng tiền chuyển nhượng nhà đất; bên nhận chuyển nhượng nhà đất đã nhận và quản lý, sử dụng nhà đất đó công khai; người không ký tên trong hợp đồng biết mà không có ý kiến phản đối gì thì phải xác định là người đó đồng ý với việc chuyển nhượng nhà đất.

[4] Đối với toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về di sản là tài sản của Ông S2 và bà M để lại là các khoản tiền bồi thường khi thu hồi đất; đất, cụ thể:

[5.1] Số tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất:

Theo Quyết định số 313126/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 và Quyết định số 3904/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Đường tỉnh lộ 208-Giai đoạn 2 đối với các thửa đất

- Thửa đất 36, tờ bản đồ 19-5 số tiền 122.823.251 đồng (Số tiền chưa chi trả)

- Thửa đất số 49, tờ bản đồ 18-5 số tiền 27.030.851 đồng

- Thửa đất số 56, tờ bản đồ 17-5 số tiền 130.386.850 đồng (Bà Huyền đã ký nhận)

- Thửa đất số 137, tờ bản đồ 21-5 số tiền 12.006.500 đồng

Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 16/5/2011 đối với thửa đất 97, chưa đăng ký kê khai người sử dụng, số tiền 112.993.300 đồng (bà Huyền đã ký nhận)

Tổng số tiền là 405.240.752 đồng.

[5.2] Các thửa đất:

* 03 thửa đất ở:

- Thửa 175 có diện tích 211,5m² thuộc tờ bản đồ số 16-5 địa chỉ Phố HL, giá trị thửa đất: 617.495.400 đồng

- Thửa 190 có diện tích 222,7m² thuộc tờ bản đồ số 16-5; địa chỉ Phố HL, giá trị thửa đất: 650.194.920 đồng

- Thửa 193 có diện tích 244,1m² thuộc tờ bản đồ số 19-5 địa chỉ Phố HL, giá trị thửa đất 712.674.360 đồng

* 04 thửa đất trồng lúa:

- Thửa số 49 có diện tích 574,7m², tờ bản đồ số 18-5; Địa chỉ: Nà Luông, Đoông Hoan; Giá trị thửa đất: 46.718.000 đồng

- Thửa số 50 có diện tích 627,3m² thuộc tờ bản đồ số 19-5, địa chỉ NB, Đoông Hoan; Giá trị thửa đất: 44.538.300 đồng

- Thửa số 36 có diện tích 10,8m² thuộc tờ bản đồ số 19-5, địa chỉ PH, Đoảng Hoan; Giá trị thửa đất: 27.640.300 đồng

- Thửa số 137 có diện tích 369,3m² thuộc tờ bản đồ số 21-5, địa chỉ Bó Pẩu, Đoảng Đeng; Giá trị thửa đất: 21.710.000 đồng

* 03 thửa đất trồng cây lâu năm:

- Thửa số 115 có diện tích 152m² thuộc tờ bản đồ số 22-5; Địa chỉ: Đông Chả, Đoảng Đeng; Giá trị thửa đất: 6.992.000 đồng

- Thửa số 106 có diện tích 2.553,4m² thuộc tờ bản đồ số 22-5; Địa chỉ: Đông Chả, Đoảng Đeng; Giá trị thửa đất: 117.456.400 đồng

- Thửa số 75 có diện tích 635,4m² thuộc tờ bản đồ số 21-5; Địa chỉ: Bó Pẩu, Đoảng Đeng; Giá trị thửa đất: 29.228.400 đồng

* 02 thửa đất trồng thủy sản:

- Thửa số 191 có diện tích 40,1m² thuộc tờ bản đồ số 16-5; Địa chỉ: Phố HL; Giá trị thửa đất: 1.764.400 đồng

- Thửa số 192 có diện tích 42,6m² thuộc tờ bản đồ số 16-5; Địa chỉ: Phố HL; Giá trị thửa đất: 1.874.400 đồng

[6] Về mối quan hệ gia đình, hàng thừa kế và diện thừa kế:

Ông Hoàng Văn S2 (chết năm 2010) và bà Triệu Thị M (chết năm 2018) có 07 người con chung gồm:

1. Hoàng Thị D (bị Tòa án tuyên bố chết năm 2020, chồng là Lục Văn Sòì (chết năm 2007) có 3 người con là Lục Thị Lan H, Lục Văn D (chết năm 2021), Lục Thị Huyền Tr;

2. Hoàng Thị V

3. Hoàng Thị Tr

4. Hoàng Thị T

5. Hoàng Thị T4 (chết năm 2004) có chồng là Nông Văn Chung, có 2 con là Nông Thị Thúy K và Nông Thị Bích N.

6. Hoàng Văn B (chết năm 2017), có vợ là Hoàng Thị H và con là Hoàng Việt V1.

7. Hoàng Lệ T1.

Ngoài ra Ông S2 và bà M không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi. Khi Ông S2 và bà M chết, bố mẹ của Ông S2 và bà M đều đã chết.

Do đó, xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Ông S2 bà M gồm 7 người con là: Hoàng Thị D (đã chết), Hoàng Thị V, Hoàng Thị Tr, Hoàng Thị T, Hoàng Thị T4 (đã chết), Hoàng Văn B (đã chết), Hoàng Lệ T1.

[6.1] Những người thừa kế phần di sản của ông Hoàng Văn S2:

Ông Hoàng Văn S2 chết năm 2010. Tại thời điểm Ông S2 chết, bà M và 06 người con còn sống nên đều phát sinh quyền thừa kế đối với di sản của Ông S2 để lại. Duy nhất có chị Hoàng Thị T4 chết trước (chết năm 2004), do đó 2 con của chị T2 là Nông Thị Thúy K và Nông Thị Bích N được nhận thừa kế (thừa kế thế vị phần của mẹ).

Như vậy, phần di sản của Ông S2 chết để lại được chia thành 08 phần, gồm có bà M, 07 người con, trong đó:

- Năm 2020, bà Hoàng Thị D bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng tuyên bố là đã chết (theo QĐ số 04/QĐST-DS ngày 25/5/2020) nên phần tài sản bà D được hưởng thừa kế T Ông S2 sẽ được chia cho những người thừa kế thuộc hàng thứ nhất của bà D gồm: 3 người con là Lục Thị Lan H, Lục Văn D (đã chết) và Lục Thị Huyền Tr. Tuy nhiên Lục Văn D đã chết năm 2021 không có vợ con, nên kỹ phần của Lục Văn D sẽ được chia đều cho hàng thừa kế thứ 2 là chị Lục Thị Lan H và Lục Thị Huyền Tr.

- Kỹ phần của chị T2 đã chết sẽ chia cho 02 người cháu là Nông Thị Bích N, Nông Thị Thúy K.

- Hiện nay anh Hoàng Văn B đã chết (chết năm 2017) nên kỹ phần của anh B được hưởng T Ông S2 sẽ được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của anh B là 3 người gồm mẹ của anh B là bà Triệu Thị M, vợ của anh B là chị Hoàng Thị H và con của anh B là Hoàng Việt V1.

[6.2] Những người thừa kế phần di sản của bà Triệu Thị M:

Tại thời điểm bà Triệu Thị M chết (năm 2018) có 5 người con còn sống (phát sinh quyền thừa kế đối với di sản của bà M để lại), có 2 người con chết trước bà M là chị Hoàng Thị T4 và anh Hoàng Văn B, do đó kỹ phần của chị Hoàng Thị T4 được hưởng thừa kế T bà M sẽ do 2 người con của chị T2 là Nông Thị Thúy K và Nông Thị Bích N được nhận thừa kế (thừa kế thế vị phần của mẹ); kỹ phần của anh Hoàng Văn B được hưởng thừa kế T bà M sẽ do người con của anh B là Hoàng Việt V1 nhận thừa kế thế vị.

Năm 2020, bà Hoàng Thị D bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng tuyên bố là đã chết (theo QĐ số 04/QĐST-DS ngày 25/5/2020) nên phần tài sản bà D được hưởng thừa kế T Ông S2 sẽ được chia cho những người thừa kế thuộc hàng thứ nhất của bà D gồm: 2 người con là Lục Thị Lan H và Lục Huyền Trang.

Phần di sản của bà Triệu Thị M sẽ chia 7 kỳ phần cho 4 người con và 5 người cháu.

[6.3] Chia thừa kế di sản là tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất

Tổng cộng tiền bồi thường khi thu hồi đất là: 405.240.752 đồng. Đất đã bị thu hồi là tài sản chung của ông Hoàng Văn S2 và bà Triệu Thị M, do đó tiền bồi thường khi thu hồi đất được coi là tài sản chung của Ông S2 và bà M và được xác định là di sản để lại của Ông S2 và bà M. Vì là tài sản chung của vợ chồng nên Ông S2 và bà M, phần của mỗi người sẽ được xác định là 1/2 giá trị số tiền bồi thường.

Ông S2 = bà M = 405.240.752 đồng : 2 = 202.620.376 đồng.

* Phần của ông Hoàng Văn S2 chia cho 08 người gồm: D, V, Tr, T, T2, Bình, T1, Mùi.

202.620.376 đồng : 8 = 25.327.547đồng/ 01 người

Bà D đã chết nên phần của bà D được chia đều cho Hương, Dũng, Trang; Dũng đã chết năm 2021 nên phần của Dũng được chia đều cho Hương và Trang. Do đó, Hương và Trang mỗi người được hưởng 12.663.773 đồng

Bà T2 đã chết năm 2004, nên phần của bà T2 được chia đều cho Kiều và Nga; Kiều và Nga mỗi người được hưởng 12.663.773 đồng

Ông Bình đã chết năm 2017 nên phần của ông Bình được chia đều cho bà M, bà Huyền, anh Vương; Bà M, bà Huyền, anh Vương mỗi người được hưởng 8.442.516 đồng

* Phần của bà Triệu Thị M

202.620.376đồng + 8.442.516đồng (phần của Bình đã chết) + 25.327.547đồng (phần của Ông S2) = 236.390.439đồng : 7 người con = 33.770.063đồng

Do đó, 07 người con là bà D, bà V, bà Tr, bà T, bà T2, ông Bình, bà T1 mỗi người được hưởng 33.770.063 đồng

Bà D đã chết nên phần của bà D được chia đều cho chị Hương, anh Dũng, chị Trang; anh Dũng đã chết năm 2021 nên phần của anh Dũng được chia đều cho chị Hương và chị Trang. Do đó, chị Hương và chị Trang mỗi người được hưởng 16.885.031 đồng

Bà T2 đã chết năm 2004, nên phần của bà T2 được chia đều cho chị Kiều và chị Nga; Chị Kiều và chị Nga mỗi người được hưởng 16.885.031 đồng

Ông Bình đã chết nên người thừa kế thế vị là anh Vương được hưởng phần ông Bình là 33.770.063 đồng.

* Số tiền bồi thường bà Huyền đã nhận: 243.380.150 đồng

Phần của Bà Huyền được nhận theo kỹ phần là 8.442.516 đồng.

Bà Huyền có trách nhiệm thanh toán cho: Bà T, bà V, bà T1 mỗi kỹ phần được hưởng số tiền là 59.097.610 đồng và thanh toán cho bà Tr số tiền: 57.644.804 đồng.

Các kỹ phần còn lại (Trang, Hương, Kiều, Nga, Vương, Tr) có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước để nhận số tiền chi trả bồi thường thu hồi đất tương ứng với kỹ phần mình được chia. Cụ thể: Trang, Hương, Kiều, Nga mỗi kỹ phần nhận số tiền là 29.548.804 đồng; Vương nhận số tiền: 42.212.579 đồng, Tr nhận số tiền là: 1.452.807 đồng.

Tuy nhiên, tại đơn phản tố và trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hoàng Việt V1 đều trình bày: Do anh Hoàng Việt V1 và bà Hoàng Thị H là hai mẹ con, hiện sống chung hộ gia đình nên anh Vương với bà Huyền nhất trí cùng hưởng chung phần di sản thừa kế của Ông S2, bà M để lại và cùng liên đới thanh toán giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác theo quy định. Đồng thời tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, những có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo và giữ nguyên lời trình bày tại cấp sơ thẩm. Do đó số tiền bà Huyền có trách nhiệm thanh toán cho bà T là 59.097.610 đồng (theo kỹ phần được hưởng) sẽ được đối trừ cho bà T số tiền anh Hoàng Việt V1 được nhận là 42.212.579 đồng. Bà Hoàng Thị T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước để nhận số tiền 42.212.579 đồng.

Bà Hoàng Thị H còn phải thanh toán cho bà T số tiền còn thiếu là 59.097.610 đồng - 42.212.579 đồng = 16.885.031 đồng.

[6.4] Chia di sản là các thửa đất ở

* Chia di sản đất bằng giá trị như sau

Tổng diện tích đất ở là 678,3m², tổng giá trị là 1.980.364.680 đồng. Vì là tài sản chung của vợ chồng nên Ông S2 và bà M, phần của mỗi người sẽ được xác định là 1/2 tổng diện tích đất ở 678,3 m² : 2 = 339,150 m²

- Phần của ông Hoàng Văn S2 chia đều cho 08 người là 339,150 m² : 8 = 42,393 m²/ 01 người

Bà D đã chết nên phần của bà D được chia đều cho Hương, Dũng, Trang; Dũng đã chết năm 2021 nên phần của Dũng được chia đều cho Hương và Trang. Do đó, Hương và Trang mỗi người được hưởng 21,2m²

Bà T2 đã chết năm 2004, nên phần của bà T2 được chia đều cho Kiều và Nga; Kiều và Nga mỗi người được hưởng 21,2m²

Ông Bình đã chết năm 2017 nên phần của ông Bình được chia đều cho Mùi, Huyền, Vương; Mùi, Huyền, Vương mỗi người được hưởng 14,131m²

- Phần của bà Triệu Thị M được chia như sau: 339,150m² + 14,131m² + 42,393m² = 395,674m² : 7 người con = 56,524m²/ 01 người

Bà D đã chết nên phần của bà D được chia đều cho Hương, Dũng, Trang; Dũng đã chết năm 2021 nên phần của Dũng được chia đều cho Hương và Trang. Do đó, Hương và Trang mỗi người được hưởng 28.3m²

Bà T2 đã chết năm 2004, nên phần của bà T2 được chia đều cho Kiều và Nga; Kiều và Nga mỗi người được hưởng 28,3m²

Ông Bình đã chết nên người thừa kế thế vị là ông Vương được hưởng phần ông Bình là 56,524m²

Như vậy tổng diện tích đất mỗi kỹ phần tương ứng với giá trị mỗi kỹ phần là:

Trang được hưởng 49,5m² tương ứng với 49,5m² x 2.919.600đồng = 144.520.200 đồng

Hương được hưởng 49,5m² tương ứng với 49,5m² x 2.919.600đồng = 144.520.200 đồng

V được hưởng 98,917m² tương ứng với 98,917m² x 2.919.600đồng = 288.798.073 đồng

Tr được hưởng 98,917m² tương ứng với 98,917m² x 2.919.600đồng = 288.798.073 đồng

T được hưởng 98,917m² tương ứng với 98,917m² x 2.919.600đồng = 288.798.073 đồng

Kiều được hưởng 49,5m² tương ứng với 49,5m² x 2.919.600đồng = 144.520.200đồng

Nga được hưởng 49,5m² tương ứng với 49,5m² x 2.919.600đồng = 144.520.200 đồng

Huyền được hưởng $14,131\text{m}^2$ tương ứng với $14,131\text{m}^2 \times 2.919.600$ đồng = 41.256.868 đồng

Vương được hưởng $70,7\text{m}^2$ tương ứng với $70,7\text{m}^2 \times 2.919.600$ đồng = 206.415.720 đồng

T1 được hưởng $98,917\text{m}^2$ tương ứng với $98,917\text{m}^2 \times 2.919.600$ đồng = 288.798.073 đồng

* Chia di sản đất bằng hiện vật như sau:

1. Thừa đất số 175, tờ bản đồ 16-5, diện tích $211,5\text{m}^2$ giá trị thừa đất là 617.495.400 đồng. Chia thành 02 phần giao quyền quản lý sử dụng cụ thể như sau:

- Bà Hoàng Thị T được quyền quản lý sử dụng diện tích là $98,917\text{m}^2$ tương đương với diện tích được chia theo kỹ phân được hưởng.

- Chị Lục Thị Lan H và Lục Thị Huyền Tr mỗi người được nhận diện tích theo kỹ phân được hưởng là $49,5\text{m}^2$.

Do kỹ phân của 2 chị Lan Hương và Huyền Trang mỗi người được nhận là $49,5\text{m}^2$ không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định do đó chị Lục Thị Huyền Tr sẽ được quản lý sử dụng diện tích đất là $98,917\text{m}^2$ và có trách nhiệm thanh toán số tiền là 144.397.576 đồng cho chị Lục Thị Lan H tương đương với kỹ phân chị Lan Hương được nhận.

- Còn dư $13,7\text{m}^2$ tương đương với giá trị $13,7\text{m}^2 \times 2.919.600$ đồng = 39.998.520 đồng.

2. Thừa đất số 190, tờ bản đồ số 16-5, diện tích $222,7\text{m}^2$ giá trị thừa đất là 650.194.920 đồng, giao quyền quản lý sử dụng cụ thể như sau:

- Bà Hoàng Thị Tr được quyền quản lý sử dụng diện tích là $98,917\text{m}^2$ tương đương với diện tích được chia theo kỹ phân được hưởng.

- Anh Hoàng Việt V1 được quyền quản lý sử dụng $70,7\text{m}^2$, bà Hoàng Thị H được quyền quản lý sử dụng $14,131\text{m}^2$ tương đương với diện tích mỗi kỹ phân được hưởng.

Tuy nhiên, hiện nay hai mẹ con bà Hoàng Thị H và anh Hoàng Việt V1 đang sinh sống trên thửa đất này, do đó ưu tiên bà Hoàng Thị H và anh Hoàng Việt V1 được quyền quản lý sử dụng thửa đất số 190. Bà Hoàng Thị H và anh Hoàng Việt V1 cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền giá trị chênh lệch cho bà Hoàng Thị Tr tổng số tiền là 288.798.073 đồng.

- Còn dư $38,953\text{m}^2$ tương đương với giá trị là $38,953\text{m}^2 \times 2.919.600$ đồng = 113.727.179 đồng.

3. Thừa đất số 193, tờ bản đồ số diện tích 244,1m² giá trị thừa đất là 712.674.360đồng, giao quyền quản lý sử dụng cho 2 người cụ thể như sau:

- Bà Hoàng Thị V được quyền quản lý sử dụng 98,917m²

- Bà Hoàng Lệ T1 được quyền quản lý sử dụng 98,917m²

- Còn dư 46,266m² tương đương với giá trị là 46,266m² x 2.919.600 đồng = 135.078.214đồng.

- Chị Nông Thị Thúy K, Nông Thị Bích N mỗi người được chia diện tích là 49,5m² tương ứng với kỹ phân được hưởng với giá trị là 144.397.576 đồng mỗi người, với tổng diện tích 2 người được nhận là 98,91m² (13,7m² + 38,953m² + 46,266m²), gồm 13,7m² trong thửa 175, tờ bản đồ số 16-5, diện tích 38,953m² trong thửa 190, tờ bản đồ số 16-5 và diện tích 46,266m² trong thửa số 193, tờ bản đồ số 19-5.

Tuy nhiên số diện tích được nhận không đủ để tách thửa do đó:

+ Đối với diện tích 13,7m² còn dư trong thửa 175, tờ bản đồ số 16-5, giao bà Hoàng Thị T được quyền quản lý sử dụng 6,85m², chị Lục Thị Huyền Tr được quyền quản lý sử dụng 6,85m², bà T và chị Trang, mỗi người trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho chị Nông Thị Thúy K và Nông Thị Bích N.

+ Đối với diện tích 38,953m² còn dư trong thửa 190, tờ bản đồ số 16-5 giao cho anh Hoàng Việt V1 và bà Hoàng Thị H được quyền quản lý sử dụng và có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho chị Nông Thị Thúy K và Nông Thị Bích N.

+ Đối với diện tích 46,266m² còn dư trong thửa số 193, tờ bản đồ số 19-5 giao cho bà Hoàng Thị V và bà Hoàng Lệ T1, mỗi người được quyền quản lý sử dụng diện tích 23,133m² có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho chị Nông Thị Thúy K và Nông Thị Bích N.

Như vậy, chị Nông Thị Thúy K và Nông Thị Bích N, mỗi người được thanh toán giá trị bằng tiền là 144.397.576 đồng.

+ Do đó bà Hoàng Thị T có trách nhiệm thanh toán cho chị Nông Thị Thúy K là 9.999.630 đồng, bà Hoàng Thị T có trách nhiệm thanh toán cho chị Nông Thị Bích N là 9.999.630 đồng.

+ Chị Lục Thị Huyền Tr có trách nhiệm thanh toán cho chị Nông Thị Thúy K là 9.999.630 đồng, chị Lục Thị Huyền Tr có trách nhiệm thanh toán cho chị Nông Thị Bích N là 9.999.630 đồng.

+ Anh Hoàng Việt V1 và bà Hoàng Thị H cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho chị Nông Thị Thúy K số tiền là 56.863.589 đồng, thanh toán cho chị Nông Thị Bích N số tiền là 56.863.589 đồng.

+ Bà Hoàng Thị V có trách nhiệm thanh toán cho chị Nông Thị Thúy K số tiền là 33.769.553 đồng, bà Hoàng Thị V có trách nhiệm thanh toán cho chị Nông Thị Bích N số tiền là 33.769.553 đồng.

+ Bà Hoàng Lệ T1 có trách nhiệm thanh toán cho chị Nông Thị Thúy K là số tiền là 33.769.553 đồng, bà Hoàng Lệ T1 có trách nhiệm thanh toán cho chị Nông Thị Bích N số tiền là 33.769.553 đồng.

[6.5] Chia thừa kế di sản phần đất trồng lúa và đất nuôi trồng thủy sản (ao)

Tổng diện tích là $1.664,8\text{m}^2$, tương ứng với tổng giá trị là 118.200.800 đồng. Vì là tài sản chung của vợ chồng nên Ông S2 và bà M, phần của mỗi người sẽ được xác định là $1/2$ tổng diện tích đất trồng lúa: $1.664,8\text{m}^2 : 2 = 832,4\text{m}^2$

* Phần của ông Hoàng Văn S2 sẽ chia $832,4\text{m}^2 : 8 = 104,05\text{m}^2 / 01$ người

Bà D đã chết nên phần của bà D được chia đều cho Hương, Dũng, Trang; Dũng đã chết năm 2021 nên phần của Dũng được chia đều cho Hương và Trang. Do đó, Hương và Trang mỗi người được hưởng $52,025\text{m}^2$

Bà T2 đã chết năm 2004, nên phần của bà T2 được chia đều cho Kiều và Nga; Kiều và Nga mỗi người được hưởng $52,025\text{m}^2$

Ông Bình đã chết năm 2017 nên phần của ông Bình được chia đều cho Mùi, Huyền, Vương; Mùi, Huyền, Vương mỗi người được hưởng $34,683\text{m}^2$

* Phần của bà Triệu Thị M sẽ chia $832,4\text{m}^2 + 104,05\text{m}^2 + 34,683\text{m}^2 = 971,133\text{m}^2 : 7$ người con = $138,733\text{m}^2 / 01$ người

Bà D đã chết nên phần của bà D được chia đều cho Hương, Dũng, Trang; Dũng đã chết năm 2021 nên phần của Dũng được chia đều cho Hương và Trang. Do đó, Hương và Trang mỗi người được hưởng $69,366\text{m}^2$

Bà T2 đã chết năm 2004, nên phần của bà T2 được chia đều cho Kiều và Nga; Kiều và Nga mỗi người được hưởng $69,366\text{m}^2$

Ông Bình đã chết nên người thừa kế thế vị là anh Vương được hưởng phần ông Bình là $138,766\text{m}^2$

Như vậy tổng diện tích đất mỗi kỹ phần tương ứng với giá trị mỗi kỹ phần là:

Trang được hưởng $121,391\text{m}^2$ tương ứng với $121,391\text{m}^2 \times 71.000\text{đồng} = 8.618.761\text{đồng}$

Hương được hưởng $121,391\text{m}^2$ tương ứng với $121,391\text{m}^2 \times 71.000\text{đồng} = 8.618.761$ đồng

V được hưởng $104,05\text{m}^2 + 138,733\text{m}^2 = 242,783\text{m}^2$ tương ứng với $242,783\text{m}^2 \times 71.000\text{đồng} = 17.237.593$ đồng

Tr được hưởng $104,05\text{m}^2 + 138,733\text{m}^2 = 242,783\text{m}^2$ tương ứng với $242,783\text{m}^2 \times 71.000\text{đồng} = 17.237.593$ đồng

T được hưởng $104,05\text{m}^2 + 138,733\text{m}^2 = 242,783\text{m}^2$ tương ứng với $242,783\text{m}^2 \times 71.000\text{đồng} = 17.237.593$ đồng

Kiều được hưởng $121,391\text{m}^2$ tương ứng với $121,391\text{m}^2 \times 71.000\text{đồng} = 8.618.761$ đồng

Nga được hưởng $121,391\text{m}^2$ tương ứng với $121,391\text{m}^2 \times 71.000\text{đồng} = 8.618.761$ đồng

Huyền được hưởng $34,683\text{m}^2$ tương ứng với $34,683\text{m}^2 \times 71.000\text{đồng} = 2.462.493$ đồng

Vương được hưởng $34,683\text{m}^2 + 138,733\text{m}^2 = 173,416\text{m}^2$ tương ứng với $173,416\text{m}^2 \times 71.000\text{đồng} = 12.312.536$ đồng

T1 được hưởng $104,05\text{m}^2 + 138,733\text{m}^2 = 242,783\text{m}^2$ tương ứng với $242,783\text{m}^2 \times 71.000\text{đồng} = 17.237.593$ đồng

* Chia đất trồng lúa và đất nuôi trồng thủy sản bằng hiện vật mỗi kĩ phần như sau:

1. Thửa số 50, tờ bản đồ 19-5, diện tích $627,3\text{m}^2$; giá trị là $627,3\text{m}^2 \times 71.000\text{đồng} = 44.538.300$ đồng

Ba người quản lý sử dụng: bà Tr, anh Vương, chị Kiều. Trong đó: bà Tr: $242,783\text{m}^2 = 17.237.593$ đồng; anh Vương: $173,416\text{m}^2 = 12.312.536$ đồng; Kiều: $121,391\text{m}^2 = 8.618.761$ đồng

Tổng $537,59\text{m}^2 = 38.168.890$ đồng; còn dư: $89,71\text{m}^2$ Tr, Vương, Kiều mỗi người quản lý sử dụng $29,9\text{m}^2$; diện tích còn dư $89,71\text{m}^2 \times 71.000\text{đồng} = 6.369.410$ đồng nên bà Tr thanh toán cho chị Trang: $2.123.137$ đồng; Vương thanh toán cho Trang: $2.123.137$ đồng; chị Kiều thanh toán cho chị Trang: $2.123.137$ đồng

2. Thửa số 49, tờ bản đồ 19-5, diện tích $574,7\text{m}^2$; giá trị $574,7\text{m}^2 \times 71.000\text{đồng} = 40.803.700$ đồng

Ba người quản lý sử dụng: bà T1, bà V, chị Nga. Trong đó: bà T1: $200,183\text{m}^2$; V: $242,783\text{m}^2$; chị Nga: $121,391\text{m}^2$

Tổng $564,357\text{m}^2$ còn dư: $10,343\text{m}^2 \times 71.000\text{đồng} = 734.353$ đồng nên bà T1, bà V, chị Nga mỗi người thanh toán cho chị Trang số tiền: 244.784 đồng

3. Thừa số 137, tờ bản đồ 21-5, diện tích $369,3\text{m}^2$; giá trị $369,3\text{m}^2 \times 50.000$ đồng = 26.220.300 đồng

Hai 2 người quản lý sử dụng: bà T, chị Hương. Trong đó: bà T quản lý sử dụng $242,783\text{m}^2$; chị Hương quản lý, sử dụng: $121,391\text{m}^2$

Tổng $364,174\text{m}^2$; còn dư $5,126\text{m}^2 \times 50.000\text{đồng} = 256.300$ đồng nên bà T, chị Hương mỗi người thanh toán cho chị Trang số tiền: 128.150 đồng

4. Thừa số 191, tờ bản đồ 16-5, diện tích $40,1\text{m}^2$; giá trị $40,1\text{m}^2 \times 44.000$ đồng = 2.847.100 đồng

Giao cho bà Huyền quản lý, sử dụng: $34,683\text{m}^2$

Còn dư $5,417\text{m}^2 \times 44.000$ đồng = 238.348 đồng; bà Huyền thanh toán giá trị bằng tiền cho chị Trang là 238.348 đồng.

5. Thừa số 192, tờ bản đồ 16-5, diện tích $42,6\text{m}^2$; giá trị $42,6\text{m}^2 \times 44.000$ đồng = 3.024.600 đồng: Giao cho bà T1 được quyền quản lý sử dụng, do diện tích đất này hiện nay liền thửa với diện tích đất bà T1 đang ở.

6. Thừa số 36, tờ bản đồ 19-5, diện tích $10,8\text{m}^2$; giá trị $10,8\text{m}^2 \times 71.000$ đồng = 766.800 đồng: Giao cho chị Trang được quản lý sử dụng $10,8\text{m}^2$ đất này.

[6.6] Di sản thừa kế là đất trồng cây lâu năm

Tổng diện tích $3.340,8\text{m}^2$ tương ứng với tổng giá trị là 153.676.800 đồng. Vì là tài sản chung của vợ chồng nên Ông S2 và bà M, phần của mỗi người sẽ được xác định là $1/2$ tổng diện tích đất trồng cây lâu năm là $3.340,8\text{m}^2 : 2 = 1.670,4\text{m}^2$

* Phần của ông Hoàng Văn S2

Chia cho 08 người $1.670,4 \text{ m}^2 : 8 = 208,8 \text{ m}^2 / 01$ người

Bà D đã chết nên phần của bà D được chia đều cho Hương, Dũng, Trang; Dũng đã chết năm 2021 nên phần của Dũng được chia đều cho Hương và Trang. Do đó, Hương và Trang mỗi người được hưởng $104,4\text{m}^2$

Bà T2 đã chết năm 2004, nên phần của bà T2 được chia đều cho Kiều và Nga; Kiều và Nga mỗi người được hưởng $104,4\text{m}^2$

Ông Bình đã chết năm 2017 nên phần của ông Bình được chia đều cho baf Mùi, bà Huyền, anh Vương; bà M, bà Huyền, anh Vương mỗi người được hưởng $69,6\text{m}^2$

* Phần của bà Triệu Thị M được chia như sau: $1.670,4 \text{ m}^2 + 208,8 \text{ m}^2 + 69,6\text{m}^2 = 1.948,8\text{m}^2 : 7 \text{ người con} = 278,4\text{m}^2 / 01 \text{ người}$

Bà D đã chết nên phần của bà D được chia đều cho Hương, Dũng, Trang; Dũng đã chết năm 2021 nên phần của Dũng được chia đều cho Hương và Trang. Do đó, Hương và Trang mỗi người được hưởng $139,2\text{m}^2$

Bà T2 đã chết năm 2004, nên phần của bà T2 được chia đều cho Kiều và Nga; Kiều và Nga mỗi người được hưởng $139,2\text{m}^2$

Ông Bình đã chết nên người thừa kế thế vị là ông Vương được hưởng phần ông Bình là $278,4\text{m}^2$

Như vậy tổng diện tích đất trồng cây lâu năm mỗi kỳ phân tương ứng với giá trị là:

Trang được hưởng $243,6\text{m}^2$ tương ứng với $243,6\text{m}^2 \times 46.000\text{đồng} = 11.205.600 \text{ đồng}$

Hương được hưởng $243,6\text{m}^2$ tương ứng với $243,6\text{m}^2 \times 46.000\text{đồng} = 11.205.600 \text{ đồng}$

V được hưởng $487,2\text{m}^2$ tương ứng với $487,2\text{m}^2 \times 46.000\text{đồng} = 22.411.200 \text{ đồng}$

Tr được hưởng $487,2\text{m}^2$ tương ứng với $487,2\text{m}^2 \times 46.000\text{đồng} = 22.411.200 \text{ đồng}$

T được hưởng $487,2\text{m}^2$ tương ứng với $487,2\text{m}^2 \times 46.000\text{đồng} = 22.411.200 \text{ đồng}$

Kiều được hưởng $243,6\text{m}^2$ tương ứng với $243,6\text{m}^2 \times 46.000\text{đồng} = 11.205.600 \text{ đồng}$

Nga được hưởng $243,6\text{m}^2$ tương ứng với $243,6\text{m}^2 \times 46.000\text{đồng} = 11.205.600 \text{ đồng}$

Huyền được hưởng $69,6\text{m}^2$ tương ứng với $69,6\text{m}^2 \times 46.000\text{đồng} = 3.201.600 \text{ đồng}$

Vương được hưởng 348m^2 tương ứng với $348\text{m}^2 \times 46.000\text{đồng} = 16.008.000 \text{ đồng}$

T1 được hưởng $487,2\text{m}^2$ tương ứng với $487,2\text{m}^2 \times 46.000\text{đồng} = 22.411.200 \text{ đồng}$

* Chia đất trồng cây lâu năm bằng hiện vật:

1. Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 22-5, diện tích 152m^2 ; giá trị $152\text{m}^2 \times 46.000 \text{ đồng} = 6.992.000 \text{ đồng}$

Giao cho Vương được quản lý sử dụng toàn bộ thửa 115 với diện tích 152m^2

2. Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 22-5, diện tích $2.553,4\text{m}^2$; giá trị $2.553,4\text{m}^2 \times 46.000 \text{ đồng} = 117.456.400 \text{ đồng}$

Giao cho T, V, T1, Nga, Trang, Hương, Kiều được quyền quản lý sử dụng thửa 106 tương đương với diện tích mỗi người được hưởng theo kỹ phân: $T = V = T1 = 487,2\text{m}^2$; $Nga = Hương = Trang = Kiều = 243,6\text{m}^2$.

Tổng diện tích là 2.436m^2 , dư $117.4\text{m}^2 \times 46.000\text{đồng} = 5.400.400\text{đồng}$

Bà T, bà V, bà T1 mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho anh Vương $1.080.080 \text{ đồng}$.

Chị Nga, Hương, Trang, Kiều mỗi người thanh toán cho anh Vương 540.040đồng .

3. Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 21-5, diện tích $635,4\text{m}^2$; giá trị $635,4\text{m}^2 \times 46.000 \text{ đồng} = 29.228.400 \text{ đồng}$

Giao cho 2 người quản lý sử dụng là Tr và Huyền; Trong đó Tr quản lý, sử dụng $487,2\text{m}^2$; Huyền quản lý, sử dụng $69,6\text{m}^2$

Tổng là 556.8m^2 ; dư $78.6\text{m}^2 \times 46.000\text{đồng} = 3.615.600\text{đồng}$

Tr thanh toán cho Vương số tiền $1.807.800\text{đồng}$; Huyền thanh toán cho Vương số tiền $1.807.800\text{đồng}$.

[7] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là $11.000.000 \text{ đồng}$. Bà Hoàng Thị T và bà Hoàng Lệ T1 đã tạm nộp trước $6.000.000 \text{ đồng}$, bà Hoàng Thị H đã tạm nộp trước số tiền $5.000.000 \text{ đồng}$. Hội đồng xem xét thẩm định đã chi phí hết số tiền $11.000.000 \text{ đồng}$. Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với giá trị tài sản được chia. Bà Hoàng Thị T và Hoàng Lệ T1 tự nguyện chịu phần chi phí tố tụng của: V, Tr, Trang, Hương, Kiều, Nga.

Những người cùng hàng thừa kế được chia kỹ phân bằng nhau của 1 suất thừa kế (tiền bồi thường, đất ở, đất trồng cây lâu năm) đều bằng nhau; tuy nhiên do chia bằng hiện vật và mỗi thửa đất trồng lúa có giá trị khác nhau nên tổng cộng giá trị kỹ phân của mỗi người là khác nhau.

Bà Huyền được chia giá trị kỹ phân là: $55.363.477 \text{ đồng}$; Anh Vương được chia giá trị kỹ phân là $276.948.835 \text{ đồng}$. Các chị Trang, Hương, Nga, Kiều mỗi

người được chia giá trị kỷ phần là 193.839.365 đồng. Các bà Tr, bà V, bà T1 được chia giá trị kỷ phần là 387.544.476 đồng.

Bà T được chia giá trị kỷ phần là: 382.446.033 đồng.

Do đó, bà Huyền phải nộp số tiền chi phí tố tụng là 671.000 đồng, bà Huyền đã nộp 5.000.000 đồng nên bà Huyền được trả lại 4.329.000 đồng

Anh Vương phải nộp số tiền chi phí tố tụng là 3.333.000 đồng để trả cho bà Huyền.

Bà T và bà T1 phải nộp số tiền chi phí tố tụng là 6.996.000 đồng, đã nộp 6.000.000 đồng nên phải nộp thêm 996.000 đồng để trả cho bà Huyền.

[8] Về án phí:

Bà Hoàng Thị T, chị Lục Thị Huyền Tr, chị Nông Thị Bích N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật tương ứng với phần tài sản được nhận.

Bà T phải nộp $382.446.033 \text{ đồng} \times 5\% = 19.122.302 \text{ đồng}$, bà T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí nên số tiền còn phải nộp là 18.822.302 đồng.

Chị Trang, chị Nga phải nộp: $193.893.365 \times 5\% = 9.694.668 \text{ đồng}$.

Bà Huyền, anh Vương, bà T1, bà V, bà Tr, chị Kiều, bà Hương có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội có điều kiện đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng án lệ số 04/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ các điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng

Chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Lệ T1, chị Nông Thị Bích N, chị Nông Thị Thuý K2

Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị H, anh Hoàng Việt V1

Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Thị T về việc chia di sản thừa kế của ông Hoàng Văn S2, bà Triệu Thị M.

3. Xác định di chúc của ông Hoàng Văn S2 lập vào năm 2009 là di chúc không hợp pháp.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Hoàng Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về chia thừa kế đối với số tiền lợi tức mà bà Hoàng Thị H có được trong thời gian quản lý di sản của ông Hoàng Văn S2 và yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị H về việc xem xét được hưởng công sức bảo quản, giữ gìn di sản và yêu cầu thanh toán mai táng phí.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị H và không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Hoàng Việt V1 về chia tài sản chung của hộ gia đình, chia thừa kế theo di chúc đối với phần di sản của ông Hoàng Văn S2 và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Triệu Thị M.

6. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Hoàng Việt V1 về việc chia di sản thừa kế đối với các thửa đất mà Ông S2, bà M đã chuyển nhượng cho bà T, ông Cường, bà Tr, ông Phở và bà T1, ông Quân gồm thửa đất số 186, tờ bản đồ 16-5; các thửa đất số 120, 121, 134, 154 và thửa 155 cùng tờ bản đồ 16-5, cùng địa chỉ đất tại: Đoông Hoan, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

7. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Hoàng Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với 01 cái ao cá đằng sau nhà của bà Hoàng Thị H đang ở, các thửa đất Khum Toi, thửa đất Ngừm Thong và các tài sản là trâu bò, hoa màu liệt kê trong di chúc của ông Hoàng Văn S2.

8. Việc phân chia cụ thể như sau:

8.1 Tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất:

Bà Hoàng Thị H có trách nhiệm thanh toán cho: Bà T, bà V, bà T1 mỗi người số tiền là 59.097.610 đồng và thanh toán cho bà Tr số tiền: 57.644.804 đồng.

Các kỹ phần còn lại (chị Trang, chị Hương, chị Kiều, chị Nga, anh Vương, bà Tr) có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước để nhận số tiền chi trả bồi thường thu hồi đất tương ứng với kỹ phần mình được chia. Cụ thể: chị Trang, chị Hương, chị Kiều, chị Nga mỗi kỹ phần nhận số tiền là 29.548.804 đồng; anh Vương nhận số tiền: 42.212.579 đồng, bà Tr nhận số tiền là: 1.452.807 đồng.

Tuy nhiên, do anh Vương với bà Huyền nhất trí cùng hưởng chung phần di sản thừa kế của Ông S2, bà M để lại và cùng liên đới thanh toán giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác theo quy định. Do đó số tiền bà Huyền có trách nhiệm thanh toán cho bà T là 59.097.610 đồng (theo kỹ phần được hưởng) sẽ được đối trừ cho bà T số tiền anh Hoàng Việt V1 được nhận là 42.212.579 đồng. Bà Hoàng Thị T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước để nhận số tiền 42.212.579 đồng.

Bà Hoàng Thị H còn phải thanh toán cho bà T số tiền còn thiếu là 59.097.610 đồng - 42.212.579 đồng = 16.885.031 đồng.

8.2 Đất ở:

* Giao cho bà Hoàng Thị T và chị Lục Thị Huyền Tr đồng quản lý, sử dụng: Thửa đất số 175, tờ bản đồ số 16-5, diện tích 211,5m², loại đất ở đô thị, địa chỉ tại: Phố HL, thị trấn TN, có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp thửa 167; phía Nam giáp chợ cũ Hạ Lang; phía Đông giáp thửa 176; phía Tây giáp đường giao thông đi xã Vinh Quý.

* Giao cho bà Hoàng Thị H và anh Hoàng Việt V1 đồng quản lý, sử dụng: Thửa đất số 190, tờ bản đồ 16-5 diện tích 222,7m², là đất ở đô thị, địa chỉ đất tại: Phố HL, thị trấn TN, huyện H, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp đường giao thông đi xã Thị Hoa; phía Nam giáp thửa 223 là khu bể xử lý nước thải thị trấn Thanh Nhật; phía Đông giáp thửa đất 188 là đất của ông Lương Văn Đại; phía Tây thửa đất số 186 của gia đình bà Hoàng Lệ T1. Bà Huyền, anh Vương có quyền sở hữu tài sản trên đất gồm có 01 nhà cấp 4 có 02 tầng, liền kề đằng sau có 01 nhà bếp.

* Giao cho bà Hoàng Thị V và bà Hoàng Lệ T1 đồng quản lý sử dụng: Thửa đất số 193, tờ bản đồ 16-5, diện tích 244,1m², loại đất ở đô thị, địa chỉ đất tại: Phố HL, thị trấn TN, tên gọi theo tiếng địa phương là Nà Pác Keo (Tầu Háng), có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp đường giao thông đi xã Thị Hoa; phía Nam giáp thửa đất 186 của hộ gia đình bà Hoàng Lệ T1; phía Đông giáp thửa 260 của hộ gia đình bà Hoàng Lệ T1; phía Tây giáp suối.

Các đồng quản lý, sử dụng có quyền thoả thuận về cách quản lý, sử dụng tài sản đối với phần tài sản được chia và liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Thanh toán giá trị chênh lệch đối với phần đất ở được quản lý, sử dụng:

- Bà Hoàng Thị T có trách nhiệm thanh toán cho chị Nông Thị Thúy K số tiền 9.999.630 đồng;

- Bà Hoàng Thị T có trách nhiệm thanh toán cho chị Nông Thị Bích N số tiền 9.999.630 đồng.

- Chị Lục Thị Huyền Tr có trách nhiệm thanh toán cho chị Nông Thị Thúy K số tiền 9.999.630 đồng;

- Chị Lục Thị Huyền Tr có trách nhiệm thanh toán cho chị Nông Thị Bích N số tiền 9.999.630 đồng.

- Anh Hoàng Việt V1 và bà Hoàng Thị H cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Hoàng Thị Tr số tiền là 288.798.073 đồng.

- Anh Hoàng Việt V1 và bà Hoàng Thị H cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho chị Nông Thị Thúy K số tiền là 56.863.589 đồng.

- Anh Hoàng Việt V1 và bà Hoàng Thị H cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho chị Nông Thị Bích N số tiền là 56.863.589 đồng.

- Bà Hoàng Thị V có trách nhiệm thanh toán cho chị Nông Thị Thúy K số tiền là 33.769.553 đồng

- Bà Hoàng Thị V có trách nhiệm thanh toán cho chị Nông Thị Bích N số tiền là 33.769.553 đồng.

- Bà Hoàng Lệ T1 có trách nhiệm thanh toán cho chị Nông Thị Thúy K là số tiền là 33.769.553 đồng

- Bà Hoàng Lệ T1 có trách nhiệm thanh toán cho chị Nông Thị Bích N số tiền là 33.769.553 đồng.

8.3 Đất trồng lúa và đất nuôi trồng thủy sản (ao):

* Giao cho bà Hoàng Lệ T1, bà Hoàng Thị V, bà Nông Thị Bích N đồng quản lý, sử dụng: Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 18-5, diện tích 574,7m² và giá trị 83,3m² đất thuộc thửa số 49, tờ bản đồ 18-5, đã được Nhà nước thu hồi trị giá 27.030.851 đồng, thửa đất có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa 149; phía Nam giáp thửa đất số 60 và thửa đất số 59; phía Tây giáp thửa đất số 51; phía Đông giáp thửa đất số 48.

* Giao cho bà Hoàng Thị Tr, anh Hoàng Việt V1, chị Nông Thị Thúy K2 đồng quản lý, sử dụng: Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 19-5, diện tích 627,3m², là đất trồng lúa, địa chỉ: Nà Boóng, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận: Phía Bắc giáp đường giao thông đi xã Thị Hoa; phía Nam giáp thửa đất số 61; phía Tây giáp thửa đất số 49; phía Đông giáp thửa đất số 51. Hiện trạng, thửa đất có bờ thửa, ranh giới rõ ràng, trên đất không có tài sản gì.

* Giao cho chị Lục Thị Huyền Tr quản lý, sử dụng: Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 19-5, diện tích 389,3m², loại đất trồng lúa, địa chỉ đất tại: PH, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận: Phía Bắc giáp nương và thửa đất số 24; phía Nam giáp thửa đất số 109 và thửa đất số 38; phía Tây giáp thửa đất số 147; phía Đông giáp thửa đất số 34. Hiện trạng, thửa đất 36 này đã được Nhà nước thu hồi diện tích là 378,5m² để làm đường tránh 208 (đường giao thông), diện tích đất còn lại là 10,8m², trên đất là con đường đang thi công, không có tài sản gì trên đất.

* Giao cho bà Hoàng Thị T và chị Lục Thị Lan H đồng quản lý, sử dụng: Thửa đất số 137, tờ bản đồ số 21-5, diện tích 369,3m² địa chỉ thửa đất tại: Bó Pẩu, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 107, thửa đất số 133 là đất của ông Nông Văn Long, bà Hoàng Thị Thuý; phía Nam giáp thửa đất số 11, thửa số 27 và thửa số 26 tờ bản đồ 26-5 là đất của bà Nông Thị Ông, ông Nông Văn Trảng, bà Nông Thị Non; phía Đông giáp thửa đất số 109 và thửa đất số 34 là đất của ông Hoàng Văn Xuân, Hoàng Văn Hải; phía Tây giáp thửa đất số 138 là đất ông Nông Văn Hưng và thửa đất số 133 của ông Nông Văn Long, bà Hoàng Thị Thuý.

* Giao cho bà Hoàng Thị H được quyền quản lý sử dụng diện tích 40,1m² thuộc thửa đất số 191, tờ bản đồ số 16-5, là loại đất nuôi trồng thủy sản (ao) theo bản đồ trích đo nằm trong thửa 191, tờ bản đồ số 16-5.

* Giao cho bà Hoàng Lệ T1 được quyền quản lý sử dụng diện tích 42,6m² thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ 16-5, là loại đất nuôi trồng thủy sản (ao) có tứ cận như sau: phía Bắc giáp thửa 260, phía Nam giáp thửa 225, phía Tây giáp thửa 223 (bể xử lý nước thải thị trấn Thanh Nhật), phía Đông giáp thửa 190 của ông Hoàng Văn S2, bà Triệu Thị M.

Các đồng quản lý, sử dụng có quyền thoả thuận về cách quản lý, sử dụng tài sản đối với phần tài sản được chia và liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Thanh toán giá trị chênh lệch đối với phần đất trồng lúa và đất nuôi trồng thủy sản (ao) được quản lý, sử dụng:

- Bà Hoàng Lệ T1, bà Hoàng Thị V, chị Nông Thị Bích N mỗi người thanh toán cho chị Lục Thị Huyền Tr số tiền: 244.784 đồng

- Bà Hoàng Thị Tr thanh toán cho chị Lục Thị Huyền Tr số tiền 2.123.137 đồng;

- Anh Hoàng Việt V1 thanh toán cho Lục Thị Huyền Tr số tiền 2.123.137 đồng;

- Chị Nông Thị Thuý K2 thanh toán cho chị Lục Thị Huyền Tr số tiền 2.123.137 đồng

- Bà Hoàng Thị T và chị Lục Thị Lan H mỗi người thanh toán cho chị Lục Thị Huyền Tr số tiền 128.150 đồng

- Bà Hoàng Thị H thanh toán cho chị Lục Thị Huyền Tr số tiền 238.348 đồng.

8.4 Đất trồng cây lâu năm:

* Giao cho anh Hoàng Việt V1 quản lý, sử dụng: Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 22-5, diện tích 152,0m², là đất trồng cây hàng năm khác, địa chỉ đất: Đông Chả, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, đất có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 106 là đất của ông Hoàng Văn S2; phía Nam giáp nương thuy lợi và thửa đất số 114 là đất của bà Thắm Thị Lịch, Lương Thị Hiền; phía Tây giáp các thửa đất số 107, 108 là đất của ông Hoàng Xuân Hình và thửa đất số 112 của bà Thắm Thị Lịch; phía Đông giáp nương thuy lợi.

* Giao cho bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị V, bà Hoàng Thị T1, chị Nông Thị Bích N, chị Lục Thị Lan H, chị Lục Thị Huyền Tr, chị Nông Thị Thuý K2 đồng quản lý, sử dụng: Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 22-5, diện tích 2.553,4m², là đất trồng cây hàng năm, địa chỉ đất: Đông Chả, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 80, 160, 79; phía Nam giáp các thửa đất số 115, 116 và 117 là đất của ông Hoàng Văn S2, ông Hoàng Xuân Hình, ông Hoàng Văn Sấm; phía Tây giáp các thửa đất số 107, 82 của ông Hoàng Xuân Hình; phía Đông giáp các thửa đất số 79, 93, 105 của bà Lý Thị Lộc. Hiện trạng, trên đất có 03 ngôi mộ của ông Hoàng Văn S2, bà Triệu Thị M và anh Hoàng Văn B (đều đã chết); trên đất trồng cây ngô đã thu hoạch; thửa đất có bờ thửa, ranh giới rõ ràng.

* Giao cho bà Hoàng Thị Tr và bà Hoàng Thị H đồng quản lý, sử dụng: Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 21-5, diện tích 635,4m², là đất trồng cây hàng năm khác, địa chỉ đất: Bó Pầu, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 74, 76 là đất của ông Khoảng Văn Lục; phía Nam giáp nương thuy lợi; phía Tây giáp thửa đất 57 là đất của ông Hoàng Xuân Hình; phía Đông giáp thửa đất số 79 là đất của ông Hoàng Xuân Hình.

Các đồng quản lý, sử dụng có quyền thoả thuận về cách quản lý, sử dụng tài sản đối với phần tài sản được chia và liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Thanh toán giá trị chênh lệch đối với phần đất trồng cây lâu năm được quản lý sử dụng:

- Bà T, bà V, bà T1 mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho anh Vương số tiền 1.080.080 đồng.

- Chị Nga, chị Hương, chị Trang, chị Kiều mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho anh Vương số tiền 540.040 đồng.

- Bà Tr có trách nhiệm thanh toán cho anh Vương số tiền 1.807.800 đồng

- Bà Huyền có trách nhiệm thanh toán cho anh Vương số tiền 1.807.800 đồng

9. Về chi phí tố tụng:

Bà Hoàng Thị H được trả lại 4.329.000 đồng chi phí tố tụng.

Anh Hoàng Việt V1 phải nộp số tiền chi phí tố tụng là 3.333.000 đồng để trả cho bà Huyền.

Bà Hoàng Thị T và bà Hoàng Lệ T1 liên đới nộp số tiền chi phí tố tụng là 996.000 đồng để trả cho bà Huyền.

10. Về án phí:

Bà Huyền, anh Vương, bà T1, bà V, bà Tr, chị Kiều, bà Hương được miễn án phí.

Bà T phải nộp $382.446.033 \text{ đồng} \times 5\% = 19.122.302 \text{ đồng}$, bà T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí nên số tiền còn phải nộp là 18.822.302 đồng.

Chị Nga phải nộp: $193.893.365 \times 5\% = 9.694.668 \text{ đồng}$.

Chị Trang phải nộp $193.639.813 \text{ đồng} \times 5\% = 9.681.991 \text{ đồng}$.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể T ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

A handwritten signature in black ink, consisting of a large, stylized 'N' followed by a circular flourish and a horizontal line extending to the right.

Ngôn Ngọc Viên